CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Mục lục

I. THÔNG TIN CHUNG 3

1. Thông tin khái quát 3

2. Quá trình hình thành và phát triển 3

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 4

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 5

5. Định hướng phát triển 6

6. Các rủi ro 8

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 9

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: 9

2. Tổ chức và nhân sự 10

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án 16

4. Tình hình tài chính 17

5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 18

6 Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty 19

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC 19

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 19

2. Tình hình tài chính 20

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 21

4. Kế hoạch hành động năm 2017 26

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai 23

6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty 24

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 24

1. Đánh giá về hoạt động của Công ty 24

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc 25

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT 25

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY 26

1. Hội đồng quản trị 26

2. Ban kiểm soát 30

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát 30

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty. 31

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: 31

1. Ý kiến kiểm toán: 31

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán 31

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303476454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCNM cấp lần đầu ngày 27/08/2004 cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 16/02/2017
- Vốn điều lệ: **583.700.000.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **583.700.000.000 đồng**
- Địa chỉ: Tầng 5, 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM
- Điện thoại: (84.28) 62918483
- Số fax: (84.28) 62918489
- Website: www.saigonwater.com.vn
- Mã cổ phiếu: **SII**

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân với tên gọi là CTCP Xây dựng Việt Thành – số ĐKKD là 4103002620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp vào ngày 27 tháng 08 năm 2004, có trụ sở tại 115/7P Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp; Vốn ban đầu là 550 triệu đồng và hoạt động trong lĩnh vực mua bán vật liệu xây dựng, phụ tùng; dịch vụ cho thuê thiết bị và xây dựng các công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, công nghiệp...
- Ngày 27/10/2004, Công ty thực hiện tăng vốn lên 3 tỷ đồng và bổ sung thêm ngành nghề Dịch vụ tư vấn về quản lý và giám sát thi công công tfnh.
- Ngày 09/01/2006, bổ sung thêm ngành kinh doanh: Tư vấn đầu tư, xây dựng; thiết kế công trình giao thông; thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; thẩm tra thiết kế, dự toán công trình; lập dự toán, tổng dự toán công trình; thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng.
- Đến ngày 25/06/2009, Công ty chuyển trụ sở về 211/4 Lê Văn Thọ, Phường 9, Quận Gò Vấp.
- Tháng 5/2010, đổi tên thành CTCP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (SII JSC) với số vốn đăng ký là 400 tỷ đồng, đồng thời chuyển trụ sở về số 50 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1.
- Tháng 5/2011, Công ty quyết định xây dựng và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh chính "Ngành Hạ Tầng Môi Trường".
- Ngày 22/08/2012, cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là SII.
- Tháng 2/2013, thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water) để phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.

- Tháng 8/2013, Saigon Water ký hợp đồng đầu tư với đối tác chiến lược là Manila Water, phát hành thành tăng vốn thành công từ 400 tỷ đồng, lên 583.7 tỷ đồng.
- Tháng 01/2017, Công ty chuyển trụ sở về 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, Thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển – đo lường;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch-nước thải. Bán buôn vật tư- thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường. Bán buôn hoá chất khác (Trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (Trừ tư vấn pháp luật); Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Không sản xuất tại trụ sở);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; giám sát thi công công trình;
- Nuôi trồng thuỷ sản nội địa chi tiết: Nuôi trồng thuỷ sản nước lợ - nước ngọt và sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị điện khác (Không hoạt động tại trụ sở);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp thoát nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp.
- Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính).

Địa bàn kinh doanh

- Đối với hoạt động đầu tư hạ tầng nước, hiện công ty vẫn đang tập trung đầu tư ở khu vực Thành phố Hồ chí Minh và các tỉnh thành khác như Long An, Lâm Đồng, Gia Lai, Cần Thơ.
- Đối với hoạt động dịch vụ kỹ thuật môi trường, địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Long An, Lâm Đồng, Gia Lai và các tỉnh thành ở Miền Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Saigon Water được thực hiện theo qui chế quản trị của công ty ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2011/QĐ-HDQT-SII ngày 09/12/2011 của Hội đồng quản trị công ty. Theo đó, qui chế này qui định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.

Cơ cấu bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý công ty được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ các bộ phận đảm bảo liên kết chặt chẽ, vận hành linh hoạt và phù hợp với lĩnh vực hoạt động của công ty.

sơ đồ bộ máy tổ chức hoạt động của công ty như sau:

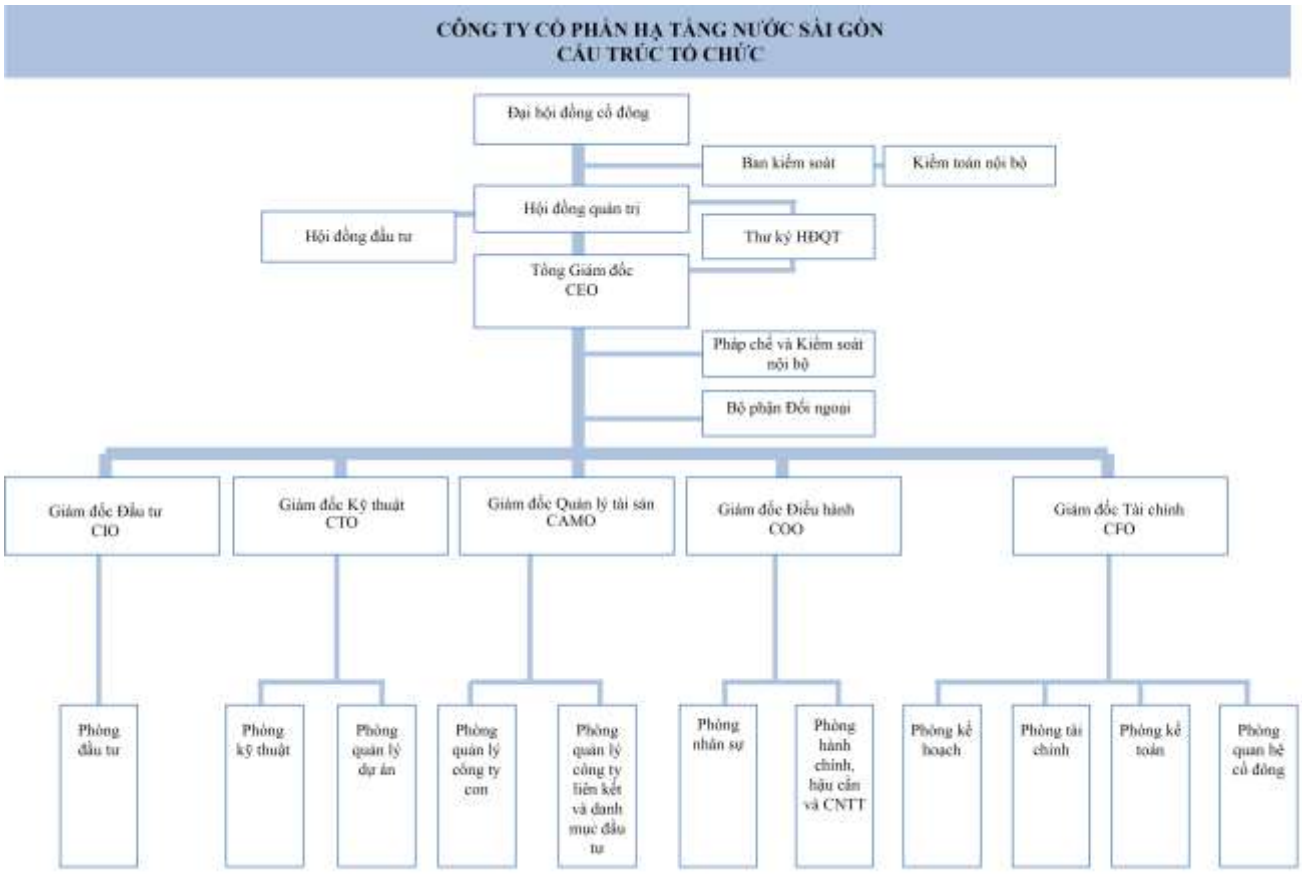

Các công ty con, công ty liên kết:

Tại ngày 31/12/2016 công ty có bảy (07) công ty con và hai (02) công ty liên kết, thông tin về các công ty con, công ty liên kết như sau:

Thông tin về công ty con:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Thành phố Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55%	55%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	Thành phố Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Cần Thơ	Tỉnh Cần Thơ	77%	77%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước
Các công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	Thành phố Hồ Chí Minh	28,66%	28,66%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Công ty liên kết đầu tư gián tiếp thông qua công ty con – Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Cấp Nước Cần Thơ	TP. Cần Thơ	31,21%	34,59%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

5. Định hướng phát triển

Tầm nhìn

"Saigon Water sẽ sớm trở thành biểu tượng số 01 của nhà phát triển hạ tầng trong ngành công nghiệp nước sạch và nước thải tại Việt Nam, việc cung cấp các giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng của chúng tôi để tạo ra lợi nhuận bền vững cho Saigon Water"

- **Sứ mệnh**

  "Cống hiến cho cộng đồng ngành nước với giải pháp tổng thể và góp phần tạo dựng giá trị bền vững của Công ty".

- **Định hướng chiến lược phát triển**

  Tập trung vào 3 mảng kinh doanh cốt lõi:

  + Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước
  + Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước
  + Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước

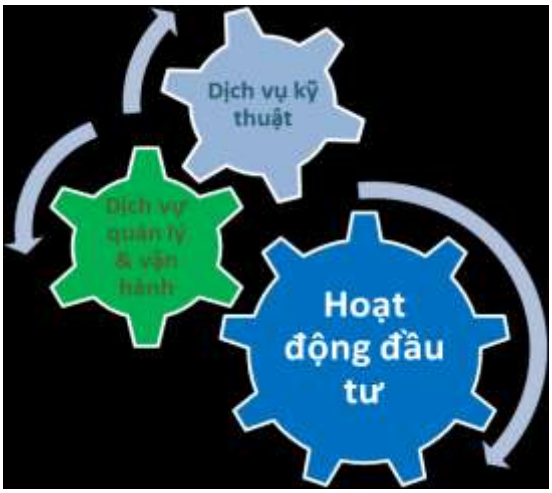

❖ **Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước (Investment)**

- Xây dựng và phát triển các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty đã xác định (tạo nguồn hàng)
- Tái cấu trúc các dự án đầu tư hiện hữu để chuẩn hóa lĩnh vực đầu tư tài chính
- Thoát vốn đầu tư cho các đối tác đầu tư chuyên ngành để tái đầu tư vào các dự án mới, vẫn duy trì một tỷ lệ sở hữu thích hợp để đảm bảo hiệu quả cho các nhà đầu tư bằng dịch vụ O&M.

❖ **Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước**

- Tiếp tục phát triển thị trường với các giải pháp công nghệ mới cho các lĩnh vực xử lý nước sạch, xử lý nước thải đô thị như: UV, tự động hóa, thiết bị quản lý và kiểm soát rò rỉ, thiết bị dò tìm rò rỉ thông qua chính sách "Free Engineering"
- Phát triển và tăng cường sự hiện diện của các thiết bị và hệ thống do Enviro nghiên cứu, sản xuất.
- Cùng đối tác chiến lược thúc đẩy sự hiện diện và tạo ảnh hưởng công nghệ đối với thị trường bằng giải pháp công nghệ và thiết bị chất lượng cao từ Hoa Kỳ.

❖ **Dịch vụ vận hành bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước**

- Khai thác dịch vụ từ các dự án do Công ty và các đối tác đầu tư.
- Từng bước mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho các khách hàng mới.

Các mục tiêu đối với môi trường, cộng đồng và xã hội.

Vấn đề ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái đang là một vấn đề nóng bỏng và ngày càng trở nên trầm trọng. Việt Nam cũng đang phải đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng này. Hơn nữa, Việt Nam phải cam kết thực hiện ngày càng nhiều hơn các quy định quốc tế về bảo vệ môi trường, đảm bảo quá trình phát triển bền vững. Cụ thể, trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, theo ý kiến của Hội Cấp Thoát Nước Việt Nam, tỷ lệ bao phủ cấp nước chỉ đạt chưa đầy 60% trong các đô thi Việt nam. Hơn nữa, tỷ lệ thất thoát nước sạch trong ngành cấp nước Việt Nam còn ở mức cao (40- 50%). Đây cũng là một yếu tố làm cho chất lượng các dịch vụ cấp nước hiện có chưa cao, hiệu quả thấp. Ngoài ra, khoảng 1,5 tỷ m^3 nước thải chưa được xử lý đang thải vào môi trường. Trong khi, hiện chỉ có rất ít các nhà máy xử lý nước thải được xây dựng và vận hành (120 triệu m^3 được xử lý hàng năm). Điều này cho thấy, chưa đầy 10% sản lượng nước thải hàng ngày được xử lý. Cho nên, nhu cầu xử lý nước thải cũng là một nhu cầu to lớn trong 20 năm tới.

Với khả năng và thế mạnh của mình, cũng như cơ hội của thị trường, Công ty có khả năng cung cấp các giải pháp tổng thể cho ngành (đầu tư, dịch vụ kỹ thuật, vận hành) và sẽ có được những "Giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng tạo nên lợi nhuận bền vững của doanh nghiệp". Qua đó, "Cống hiến cho cộng đồng những công trình hạ tầng nước thông qua giải pháp tổng thể và mang lại cho doanh nghiệp các giá trị bền vững".

6. Các rủi ro

Rủi ro đầu tư

Hiện nay hầu hết các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp có dự án thực hiện tại Việt Nam cho nên phải chịu sự điều chỉnh bởi những điều kiện kinh tế, chính trị, luật pháp của Việt Nam. Những điều kiện này có sự khác biệt với những quy định phổ biến ở những nước phát triển hơn.

Hoạt động đầu tư của công ty có thể tăng trưởng và mở rộng trong nhiều lĩnh vực khác nhau đặc biệt là danh mục đầu tư thuộc lĩnh vực hạ tầng nước và các dịch vụ đô thị, môi trường và xã hội. Đây là xu hướng đầu tư chính của công ty theo đúng định hướng của Việt Nam hiện nay là sử dụng nguồn lực trong dân chúng để chia sẽ những khó khăn về tài chính của Chính phủ, Chính phủ thì bớt gánh nặng, mà nền kinh tế vẫn phát triển.

Định hướng phát triển của công ty là linh hoạt trong từng thời điểm phù hợp với những thay đổi về nền kinh tế, chính trị và những quy định hiện hành tại Việt Nam. Những chính sách kinh tế của Việt Nam có thể thay đổi, vì vậy việc lựa chọn đầu tư vào những dự án có tính an toàn cao luôn được ưu tiên hàng đầu đối với Công ty, đây cũng là ưu tiên hàng đầu đối với Công ty cho sự phát triển kinh doanh và triển vọng của Công ty trong tương lai.

- **Rủi ro liên quan đến các chính sách tín dụng và lãi suất**

  Ngoài khoản đầu tư bằng vốn góp của các cổ đông, Công ty cũng sử dụng nguồn tài trợ từ các tổ chức tín dụng. Trong thời kỳ kinh tế biến động như hiện nay thì việc kiểm soát nền kinh tế đi đúng định hướng phát triển đất nước và để đảm bảo hạn chế thấp nhất những tác động xấu từ sự vỡ nợ mất thanh khoản của các tổ chức tín dụng thì ngân hàng nhà nước đã đưa ra các quy định nhằm kiểm soát chặc chẽ các hoạt động của tổ chức tín dụng một cách hợp lý như giới hạn về mức cho vay đối với kinh doanh BĐS và chứng khoán, quy định về tỷ lệ nợ xấu, đánh giá và phân nhóm các ngân hàng nhằm đưa ra hạn mức tăng trưởng tín dụng trong năm…. Việc làm này đã ảnh hưởng đến hàng loạt các ngân hàng phải co cụm giới hạn cho vay và thay đổi mức lãi suất vay khi lãi suất đầu vào tăng cao đã ảnh hưởng không nhỏ đến chiến lược tài chính của Công ty.

- **Rủi ro khác**

  Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, địch họa,.v.v... là những rủi ro bất khả kháng ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Các rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là đối với các dự án mà Công ty tham gia đầu tư.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2016, Công ty chủ yếu tập trung nguồn lực cho việc triển khai và phát triển các dự án trong chuyên ngành Hạ tầng nước. Mặt khác, các dự án mà công ty đã đầu tư vẫn còn đang trong giai đoạn triển khai nên chưa thu được lợi nhuận như kỳ vọng. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2016 của Công ty không đạt được như kế hoạch đã được Đại hội đồng thường niên 2015 đã thông qua, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2016	THỰC HIỆN 2015	KẾ HOẠCH 2016	% THỰC HIỆN 2016 /THỰC HIỆN 2015	% THỰC HIỆN 2016 / KẾ HOẠCH 2016
1. TỔNG DOANH THU	**303.403**	**613.271**	**838.363**	-51%	-64%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	256.887	591.861	796.441	-57%	-68%
Doanh thu hoạt động tài chính	46.511	20.942	41.922	122%	11%
Thu nhập khác	5	468	0	-99%	0%
2. TỔNG CHI PHÍ	**277.274**	**452.549**	**786.851**	-39%	-65%
Giá vốn bán hàng	208.263	411.496	587.530	-49%	-65%
Chi phí tài chính	21.062	14.477	161.132	45%	-87%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.228	26.435	38.189	79%	24%
Chi phí khác	721	141	0	411%	0%

3. Lợi nhuận từ công ty liên kết	**7.853**	**7.489**	**20.180**	5%	-61%
4. Lợi nhuận trước thuế	**33.982**	**168.212**	**71.692**	-80%	-53%
5. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	**33.484**	**119.015**	**60.558**	-72%	-45%

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2016 là 33,5 tỷ đồng, thấp hơn so với kế hoạch đề ra bởi những nguyên nhân sau:

- Một trong những nguyên nhân chính của việc suy giảm lợi nhuận này là sự sụt giảm doanh thu của các đơn vị thành viên vả đặc biệt là doanh thu và lợi nhuận từ các hợp đồng cung cấp vật tư và dịch vụ của Enviro cho dự án Củ Chi giảm đáng kể so với năm 2015;
- Thu nhập từ các công ty liên kết trong 2016 thấp hơn kế hoạch đề ra bởi vì trong năm 2016 Công ty đã thoái toàn bộ vốn đầu tư ở Cấp Nước Long An.
- Tổng chi phí từ dịch vụ và cung cấp dịch vụ trong năm nay có tỉ lệ thấp hơn năm trước là do số lượng hợp đồng dịch vụ của Enviro ít hơn. Trong khi đó, chi phí sản xuất và phân phối nước sạch của Củ Chi và An Khê đã bắt đầu được ghi nhận trong năm 2016 và những chi phí này không có trong năm 2015.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh trong năm nay phần lớn từ các chi phí phát sinh cho hoạt động của Saigon-Pleiku, Giải pháp mạng nước Châu Á, và dự án Củ Chi. Vì các hoạt động chính của những công ty này và dự án Củ chi chính thức bắt đầu hoạt động từ giữa năm 2015.
- Doanh thu thực tế của Enviro và Giải pháp mạng nước Châu Á trong 2016 thấp hơn rất nhiều so với kế hoạch bởi vì đa số số dự án và hợp đồng chưa được ký kết hoặc đã ký kết nhưng chưa thực hiện;
- Mục tiêu ghi thu của dự án Củ Chi là 43.000 m3/ngày. Tuy nhiên, lượng nước ghi thu thực tế của thời điểm này chỉ đạt được 3.200 m3/ngày, tổng cộng đạt 1,17 triệu mét khối, nguyên nhân chính cho sự chênh lệch này là do thói quen tiêu dùng của người dân Củ Chi.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

Danh sách ban điều hành và tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2016

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Trương Khắc Hoành	Tổng Giám đốc	0,04%
2	Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	0,03%
3	Ronnie D. Lim	Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Quản lý danh mục đầu tư	0,00%
4	Hoàng Diệp Bảo Vinh	Giám đốc Đầu tư	0,00%
5	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	0,00%

Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

Ông Trương Khắc Hoành - Tổng Giám đốc:

- Ngày tháng năm sinh: 16/01/1972
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: 97 đường số 2, CX Bình Thới, F.8, Quận 11, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị (MBA)
- Quá trình công tác:
  + Từ năm 1994 đến năm 1996 : Kiểm soát tài chính, Công ty Control Techniques Việt Nam
  + Từ năm 1997 đến năm 2004: Phó Tổng giám đốc, Công ty CP Nước & Môi trường (WACO)
  + Từ năm 2005 đến năm 2010: Phó Tổng giám đốc, Công ty CP BOO Nước Thủ Đức
  + Từ năm 2010 đến 04/2012: Tổng giám đốc, Công ty CP BOO Nước Thủ Đức
  + Từ 07/2011 đến 04/2012: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn.
  + Từ 05/2012 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Hạ tầng nước Sài Gòn
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  + Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM

Bà Giao Thị Yến – Phó Chủ tịch thường trực:

- Ngày tháng năm sinh : 13/03/1955
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 151 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ ngành Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
  + Từ năm 1982 đến năm 1998: Phó giám đốc Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn, kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phương Đông
  + Từ năm 1999 đến năm 2000 : Phó trưởng ban Tài chính Quản trị Thành ủy TP.HCM
  + Từ năm 2000 đến năm 2007 Tổng giám đốc HIFU, kiêm:
    - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM
    - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần BOO nước Thủ Đức
    - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần chứng khoán TP.HCM
    - Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển nhà HCM

- Giám đốc Quỹ Phát triển Nhà HCM

+ Từ năm 2008 đến năm 2009:
  - Nghỉ hưu theo chế độ nhà nước
  - Chuyên gia tư vấn độc lập: Công ty Cổ phần Nhà Việt Nam; Vietbook group
+ Từ năm 2009 đến 2010: Tư vấn cao cấp về tài chánh cơ sở hạ tầng dự án các Quỹ Đầu tư Phát triển Địa phương của WB ở Việt Nam
+ Từ tháng 07/2010 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT.

Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh: Giám đốc Đầu tư

- Ngày tháng năm sinh: 22/08/1978
- Nơi sinh: Ninh Thuận
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 243/1/10 Tô Hiến Thành, P.13, Quận 10, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị (MBA)
- Quá trình công tác:
  + Từ năm 2001 đến năm 2010 : Phụ trách bộ phận Tiếp thị và Bán hàng, Công ty Mekong Corporation
  + Từ tháng 01/2010 đến tháng 05/2010: Giám đốc Bộ phận bán thiết bị, Công ty Cổ phần Phương Nam.
  + Từ tháng 06/2010 đến nay: Giám đốc Phụ trách phát triển kinh doanh của Manila Water tại Việt Nam.
  + Từ tháng 11/2012 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật VinaPhil
  + Từ tháng 10/2013 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác :
  + Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật VinaPhil
  + Giám đốc Phụ trách phát triển kinh doanh của Manila Water tại Việt Nam

Ông Ronnie D. Lim: Giám đốc Điều hành

- Ngày tháng năm sinh : 29/08/1978
- Nơi sinh: Bacolod City

- Quốc tịch: Phillipines
- Dân tộc: Phillipines
- Quê quán: Phillipines
- Địa chỉ thường trú: 4E Sherwoods Apartments, 127 Pasteur, Quận 3, TP. HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Kinh tế Kinh doanh
- Quá trình công tác:

  + Từ tháng 04/2000 đến tháng 1/2001: Giám đốc kinh doanh Công ty 5thP Quảng cáo

  + Từ tháng 02/2001 đến tháng 12/2004: Giám đốc kinh doanh khu vực Công ty nước Manila

  + Từ tháng 1/2005 đến 2007: Cán bộ Pháp chế và phát triển công ty Công ty nước Manila

  + Từ 2007 đến 7/2009: Giám đốc phát triển kinh doanh mới Công ty nước Manila

  + Từ tháng 7/2009 đến tháng 7/2011: Giám đốc hoạt động (COO) – Việt Nam Công ty nước Manila

  + Từ tháng 7/2011 đến tháng 9/2013: Trưởng phòng phát triển kinh doanh Công ty nước Manila

  + Từ tháng 10/2013 đến hiện tại: Giám đốc khu vực/ Trưởng văn phòng đại diện (Việt Nam)
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng văn phòng đại diện của Công ty Manila Water tại Việt Nam

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh: Kế toán trưởng

- Ngày tháng năm sinh : 07/01/1980
- Nơi sinh : Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Gia Lai
- Địa chỉ thường trú: 451/94 Phạm Thế Hiển, Phường 3, Quận 8, Tp. HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác:
  + Từ tháng 6/2003 đến tháng 04/2005: Kế toán Công ty TNHH Giao nhận Altus;
  + Từ tháng 04/2005 đến tháng 04/2006: Kế toán tổng hợp Công ty Obayashi Corporation;

+ Từ tháng 04/2006 đến tháng 02/2010: Trưởng phòng kế toán Công ty Quản lý quỹ Việt Nam (VFM);
+ Từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2014: Quản lý văn phòng Công ty CP Chứng khoán Hùng Vương;
+ Từ tháng 05/2014 đến tháng 05/2015: Kế toán trưởng Công ty TNHH Quản lý quỹ ACE Life
+ Từ tháng 05/2015 đến tháng 04/2016: Cố vấn Tài chính kế toán Công ty Riverorchid PR và ALternaty Real Estate Service;
+ Từ năm 2016 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn.

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai

- **Những thay đổi trong Ban điều hành**: Trong năm 2016 Công ty có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành: thay đổi Kế toán trưởng.
- **Số lượng lao động trong công ty:**

Chỉ tiêu	**Tại ngày 31/12/2016**	**Tỷ lệ**
Số lượng cán bộ nhân viên (người)	201	97% (chưa bao gồm 03 thành viên BGĐ và KTT)
Tiền lương bình quân (đồng/ người/ tháng)	7.613.138 đ	
Phân theo trình độ chuyên môn		
- Đại học và trên đại học (người)	54	42% (so với số lượng 130 người)
- Cao đẳng, trung cấp (người)	29	22%
- Khác (người)	47	36%
Phân theo hợp đồng		
- Hợp đồng không xác định thời hạn (người)	17	13%
- Hợp đồng có xác định thời hạn từ 01 đến 03 năm	113	87%
- Hợp đồng lao động dưới 12 tháng	0	0%

❖ **Chính sách đối với người lao động**

Thời gian làm việc

- Thời gian làm việc của khối văn phòng: 05 ngày/tuần.

  Buổi sáng: từ 8giờ đến 12giờ00.

  Buổi chiều: từ 13giờ00 đến 17giờ00.

Riêng văn phòng O&M Củ Chi, để thực hiện dịch vụ cấp nước 24/24 có lịch làm việc riêng cho từng bộ phận và vẫn đảm bảo tuân thủ số giờ làm việc theo luật lao động quy định.

- Ngày nghỉ hàng tuần: Thứ bảy và chủ nhật.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: được nghỉ theo công bố của Nhà Nước
- Người lao động được nghỉ phép 12 ngày/năm. Cứ làm việc được năm năm sẽ được thêm 1 ngày phép.
- Người lao động được nghỉ lễ, tết theo quy định của Luật Lao động.

❖ **Chính sách tuyển dụng và đào tạo:**

- Tuyển dụng:
  - Công ty chú trọng tuyển dụng những nhân viên phù hợp với yêu cầu của công việc. Công ty khuyến khích việc tuyển dụng nội bộ nhằm tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội phát triển và thăng tiến.
  - Bên cạnh đó, Công ty vẫn thực hiện công tác tuyển dụng nhân lực từ bên ngoài. Nhân viên được Công ty tuyển dụng trực tiếp hoặc thông qua các Công ty Tư vấn, Môi giới nhân lực, thi tuyển hoặc sự giới thiệu của nhân viên Công ty, của cơ quan quản lý địa phương.
- Đào tạo:
  - Công ty chú trọng việc các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn, khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ công tác và đạo đức nghề nghiệp.
  - Thực hiện thường xuyên công tác đào tạo nội bộ do các giám đốc, trưởng bộ phận chuyên môn phụ trách.

❖ **Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:**

- **Chính sách lương:**

<u>Điều 1</u>: Hình thức trả lương căn cứ ghi trên hợp đồng lao động và được thanh toán làm một lần vào ngày cuối của hàng tháng.
Đơn giá trả lương được căn cứ vào mức lương được ghi trên hợp đồng lao động cá nhân. Người lao động khi lãnh lương phải biết được mọi khoản lương được lãnh của mình.
Nếu trong trường hợp phải tạm ngưng việc do tình hình khách quan thì người lao động được hưởng 70% trên mức lương căn bản được ghi trên hợp đồng lao động cá nhân.
<u>Điều 2</u>: Căn cứ vào điều 28 Chương III, tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều phải qua thời gian thử việc và được hưởng 85% lương căn bản theo cấp bậc công việc. Sau thời gian thử việc nếu người lao động được chính thức ký hợp đồng tuyển dụng thì sẽ được hưởng 100% lương căn bản theo cấp bậc công việc.
<u>Điều 3</u>: Nếu có nhu cầu làm thêm giờ thì người lao động được trả lương làm thêm giờ theo điều 97 Chương VI của Bộ luật lao động đã được sửa đổi.

- Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%.
- Vào ngày nghỉ hàng tuần, ít nhất bằng 200%.
- Vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300%.

- Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường.
- Người lao động làm việc thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương theo quy định, người lao động còn được trả thêm 20% tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc ban ngày.

▪ **Khen thưởng**

- Chế độ khen thưởng (do doanh nghiệp định mức thực hiện theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về tiền lương).
- Thưởng ít nhất 01 tháng lương (tháng lương thứ 13) cho Người lao động theo mức lương trên HĐLĐ.

▪ **Các phúc lợi khác:**

Được trích từ chi phí của Công ty, Quỹ khen thưởng phúc lợi các khoản chăm lo cho người lao động cụ thể như sau:

- Hằng năm, tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ mát một lần, về chi phí tùy theo tình hình kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động.
- Tiền đồng phục: 2.000.000 đồng/01 người/ 01 năm, không chi tiền mặt, nếu chi không hết sẽ chuyển vào quỹ cho các năm tiếp theo.
- Các khoản phúc lợi liên quan đến hiếu hỉ, ma chay, ốm đau…theo Thỏa ước lao động tập thể.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong năm 2016, Công ty tập trung nguồn lực cho việc triển khai và hoàn tất các dự án đã và đang phát triển trong danh mục đầu tư hiện hữu thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

Công ty đã triển khai thực hiện một số dự án quan trọng theo kế hoạch đề ra như sau:

- Hoàn tất giai đoạn 1 của dự án "Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn Huyện Củ Chi", với kết quả thực hiện cung cấp nước sạch cho Huyện Củ Chi tính đến ngày 15/12/2016 như sau:
  + Cấp nước cho 100% số hộ dân tại Huyện Củ Chi;
  + Hoàn tất xây dựng 10.520m đường ống chuyển tải nước sạch, 675.000m tuyến ống phân phối nước sạch trong năm 2016 ;
  + Lắp đặt đồng hồ nước cho 65.633 hộ; lắp đặt đồng hồ tổng cấp nước cho 14.041 hộ;
- Công ty CP Nước Sài Gòn – Cần Thơ đã khởi công xây dựng dự án Đầu tư xây dựng mới Nhà máy nước Sài Gòn – Mê Kông, công suất 50.000 m3/ngày đêm theo Quyết định của UBND Thành phố Cần Thơ;
- Tham gia cung cấp vật tư, thi công, bảo hành công trình cho nhiều dự án chuyên ngành như Công trình xây dựng Nhà máy nước Tân Hiệp II (công suất 300 MLD), công trình "Cải tạo hệ thống xử lý, cải thiện chất lượng nước Nhà máy nước thị xã An Khê"; dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi - Giai đoạn 2;

- Thành lập Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê để thực hiện dự án "Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn thị xã An Khê và các vùng phụ cận Gia Lai, công suất 9.500 m3/ngày đêm", Công ty góp 51% vốn điều lệ;
- Tiếp nhận Nhà máy nước An Khê, tiến hành cải tạo nâng cấp nhà máy để tiếp tục đưa vào vận hành cho đến ngày 31/12/2016 và bàn giao nhà máy cho Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê tiếp tục vận hành;
- Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp từ CII và nhận được giấy chứng nhận cổ đông, theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp trở thành Công ty liên kết của Công ty với tỷ lệ vốn góp là 43%;
- Tham gia quá trình cổ phần hóa Công ty Cấp nước Gia Lai vả được chọn làm nhà đầu tư chiến lược, nắm giữ 51% vốn điều lệ;
- Tham gia nghiên cứu thông tin tại các Doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng nước trong quá trình chuẩn bị cổ phần hóa của các Doanh nghiệp nhà nước;

Kết quả của các dự án đầu tư này là các bước hiện thực hóa mục tiêu đóng góp cho ngành hạ tầng nước tại Việt Nam và củng cố thêm vị thế của Công ty trên thị trường.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (ĐVT: Triệu đồng)	2016	2015	% Tăng/ Giảm
Tổng giá trị tài sản	3.437.802	2.888.127	19%
Doanh thu thuần	256.887	591.861	-57%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	26.129	160.724	-84%
Lợi nhuận khác	5	468	-99%
Lãi lỗ trong công ty liên kết	7.853	7.488	5%
Lợi nhuận trước thuế	33.982	168.212	-80%
Lợi nhuận sau thuế	30.093	133.358	-77%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2016	2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
_Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,12	3,91
_ Hệ số thanh toán nhanh	2,05	3,78
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
_Nợ/Tổng tài sản	0,63	56%
_ Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,69	127%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
_Vòng quay khoản phải thu ngắn hạn	0,75	1,63
_Vòng quay hàng tồn kho	6,98	12,48
_Vòng quay tổng tài sản	0,08	0,30
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
_ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	12%	23%
_ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	4%	13%
_ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	1%	7%
_ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	10%	27%

5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành tính đến ngày 31/12/2016: 58.370.000 cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tính đến ngày 31/12/2016: 58.370.000 cổ phiếu phổ thông

5.2 Cơ cấu cổ đông tại ngày 14/12/2016:

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU (CỔ PHẦN)	TỶ LỆ
1	**Trong nước**	**118**	**32.951.020**	**56,45%**
	_ Tổ chức	6	32.725.330	56,06%
	_ Cá nhân	112	225.690	0,39%
2	**Nước ngoài**	**10**	**25.418.980**	**43,55%**
	_ Tổ chức	5	25.405.740	43,53%
	_ Cá nhân	5	13.240	0,02%
	Tổng cộng	**128**	**58.370.000**	**100%**

- **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm ngày 14/12/2016:**

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số cmnd/ Hộ chiếu/ đkkd	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM	0302483177	12/24/2001	50 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM	32.654.750	55,94%
2	VIAC (NO.1) LIMITED PARTNERSHIP	CA5360	7/12/2011	24 Raffes Place # 22-00 Clifford Centre, Singapore (048621)	7.034.700	12,05%
3	Manila Water South Asia Holdings PTE.LTD	201009681K	5/5/2010	36 Robison Road, # 17-01 City House, Singapore (068877)	18.370.000	31,47%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

6 Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động môi trường:

- Luôn tuân thủ các quy trình và thủ tục lấy nước thô của chính quyền và địa phương cho các nhà máy xử lý nước;
- Hoàn thiện hồ sơ cam kết môi trường khi bắt đầu dự án mới;
- Phối hợp vận hành với các nhà máy nước và đội quản lý mạng cấp nước nhằm kiểm soát và tiết kiệm được lượng điện năng, hóa chất tiêu thụ một cách đáng kể;
- Xây dựng quy định, cũng như các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn điện theo chương trình tiết kiệm điện của các sở ban ngành;
- Xây dựng và thực hiện các chính sách về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phòng chống cháy rừng và phương án quản lý bảo vệ rừng cho các nhà máy tại các tỉnh thành.

6.2 Tác động xã hội:

Với mục tiêu đóng góp cho cộng đồng thông qua sản phẩm và dịch vụ của Công ty, với từng dự án được triển khai, Công ty đều có sự chú trọng đến tác động xã hội trong công tác tuyển dụng, đào tạo, kiến tạo môi trường làm việc và cộng đồng trong khu vực của dự án. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công việc luôn có ưu tiên cho lao động tại địa phương nơi dự án hình thành và phát triển. Công ty đặc biệt quan tâm đến các chính sách, chế độ tiền lương cho người lao động, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tương xứng với sự phát triển của công ty.

Đồng thời, Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội như hội thao do UBND huyện và tỉnh tổ chức, chương trình hiến máu tình nguyện, tổ chức thăm hỏi vào các dịp lễ tết cho các hộ nghèo trong khu vực.

Không chỉ dừng lại ở đó, Công ty còn đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho các thế hệ tương laim thông qua việc tạo điều kiện học hỏi, thực tập cho các sinh viên có ngành học liên quan và tài trợ học bổng cho các học sinh học giỏi có điều kiện khó khăn.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Trong 2016, Saigon Water đã có nhiều hướng đi chiến lược đúng đắn đảm bảo thực hiện được các mục tiêu kinh doanh đề ra. Bên cạnh việc nỗ lực hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra, bao gồm hoàn tất các dự án đang triển khai từ năm 2015, Công ty cũng tìm kiếm và phát triển các dự án mới ở những địa phương Công ty đã có sự hiện diện nhằm mở rộng địa bàn hoạt động và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Mặc dù gặp thử thách với việc triển khai nhiều dự án trong thời gian ngắn, với nguồn vốn và nhân lực giới hạn, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao và kịp thời của Hội đồng quản trị, cùng với sự đồng tâm nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên, hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty vẫn có các cột mốc đáng ghi nhận về mặt tăng trưởng và dấu ấn trên thị trường.

Những tiến bộ đã đạt được

Công ty đã đạt được những kết quả trong việc triển khai và hoàn tất các dự án trong năm 2016. Đây là kết quả của việc tận dụng các nguồn lực và nỗ lực của ban quản trị trong việc quản lý dự án. Những thành quả của Công ty trong năm 2016 bao gồm:

- Với dự án Củ Chi, Công ty đã hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt tuyến ống cấp 1, cấp 2 và cấp 3 trên 15 xã và thị trấn, lắp đặt đấu nối với 65.633 hộ dân. Xây dựng, nâng cấp,

mở rộng các trạm cấp nước, lắp đặt đồng hồ tổng và bồn chứa nước tập trung cho các khu vực chưa có tuyến ống đi qua. Nhờ có sự hỗ trợ của chính quyền và nỗ lực của tập thể nhân viên, đến hết 31/12/2016, số hộ dân được tiếp cận nước sạch trên địa bàn Huyện Củ Chi đã đạt 100%.

- Công ty hoàn tất việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp thông qua việc mua 10.320.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 43% vốn điều lệ. Nhà máy nước Tân Hiệp Giai đoạn 2 đã được khánh thành và bắt đầu hoạt động vào cuối năm 2016;
- Công ty khởi công xây dựng dự án Đầu tư xây dựng mới Nhà máy nước Sài Gòn – Mê Kông, công suất 50.000 m^3/ngày đêm tại Tỉnh Cần Thơ;
- Đảm bảo đầy đủ nguồn vốn cho các hoạt động đầu tư bằng việc phát hành trái phiếu riêng biệt;
- Cơ cấu tổ chức đã được cập nhật cho phù hợp với tình hinh phát triển thực tế của Công ty, và đang từng bước hoàn thiện theo hướng hiệu quả hơn;
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh, dự toán chi phí, doanh thu, dòng tiền nhằm đảm bảo kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh;

2. Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Tình hình tài sản

Tổng tài sản cuối năm 2016 đạt 3,437,802 triệu đồng, cụ thể như sau:

TÀI SẢN	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Change
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**871.161**	**892.834**	**(21.673)**
1. Tiền và tương đương tiền	399.297	331.763	67.533
2. Các khoản phải thu	281.396	406.616	(125.220)
3. Hàng tồn kho	29.845	29.820	24
4. Các tài sản ngắn hạn khác	160.625	124.634	35.991
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**2.566.640**	**1.995.293**	**571.347**
1. Các khoản phải thu dài hạn	145.926	72.150	73.776
2. Tài sản cố định	315.629	319.400	(3.771)
3. Tài sản dở dang dài hạn	1.619.012	1.223.518	395.494
4. Đầu tư tài chính dài hạn	445.608	353.515	92.093
5. Các tài sản dài hạn khác	40.466	26.711	13.755
TỔNG TÀI SẢN	**3.437.802**	**2.888.127**	**549.674**

Tình hình nợ phải trả

Tổng các khoản nợ đến cuối năm 2016 là 2.159 tỷ đồng, tăng thêm 541 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái. Các khoản nợ này đa phần là từ các khoản vay từ ngân hàng để hỗ trợ cho Dự án củ chi, vay từ việc huy động phát hành trái phiếu riêng biệt và một phần từ các khoản nợ ngắn hạn còn phải thanh toán cho các đối tác. Chi tiết các khoản nợ của công ty như sau:

NỢ PHẢI TRẢ	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Change
I. NỢ NGẮN HẠN	**410.641**	**228.353**	**182.288**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	244.343	94.074	150.269
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	978	3.151	(3.150)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.322	37.286	(28.964)
4. Phải trả người lao động	89	864	(776)
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17.001	13.402	3.599
6. Phải trả ngắn hạn khác	1.827	6.007	(4.180)
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	133.688	73.415	60.273
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	4.393	154	4.393
II. NỢ DÀI HẠN	**1.748.691**	**1.389.761**	**358.930**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	600.000	600.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.148.691	789.761	**358.930**
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**2.159.332**	**1.618.114**	**541.218**

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã tiến hành thay đổi cơ cấu tổ chức dựa trên mục tiêu phát triển trong vòng 5 năm tới, vì vậy dẫn đến các thay đổi lớn trong cách thức hoạt động và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Thực hiện nghị quyết số 24/2015-NQ-HĐQT-SGW của Hội đồng Quản trị Công ty về việc triển khai các thay đổi trong cơ cấu tổ chức Công ty, Tổng Giám đốc Công ty đã chính thức triển khai việc thay đổi cơ cấu tổ chức công ty trong tháng 03 năm 2016. Thành viên của Ban điều hành được phân chia nhiệm vụ rõ ràng, cũng như Trưởng các bộ phận. Mỗi phòng ban đều được phân công, phân nhiệm, và hình thành sự phân cấp phân quyền báo cáo theo cơ cấu tổ chức.
- Nhìn chung, cơ cấu tổ chức mới là phù hợp trong giai đoạn hiện nay. Các phòng ban, các công ty con trực thuộc và công ty liên kết nhận được sự hỗ trợ và kết nối phù hợp, tăng hiệu quả hoạt động và tính minh bạch thông tin, thúc đẩy sự phối hợp giữa các các phòng ban, các Công ty con, các dự án trong Danh mục Quản lý, hướng đến hoạt động của Công ty ngày một hiệu quả và đồng bộ.
- Đồng thời, Công ty ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn để rà soát hệ thống tài liệu quy định chức năng nhiệm vụ, bản mô tả công việc và xây dựng hệ thống lương 3P. Mục đích nhằm ổn định nguồn nhân lực, giữ chân được các nhân sự thực tài và nâng cao tính cạnh tranh của Công ty trên thị trường lao động.
- Công ty cũng theo dõi sát sao các chỉ tiêu hoạt động tài chính và kinh doanh của Công ty thông qua việc lập kế hoạch kinh doanh, chi phí dự án, doanh thu và dòng tiền định kỳ.

4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2017:

Với sứ mệnh của công ty là mở rộng hoạt động kinh doanh và cung cấp các giải pháp hiệu quả trong ngành cấp thoát nước và xử lí nước thải, nhằm đem lại lợi ích dài lâu cho cộng đồng, và đem lại lợi nhuận kinh doanh bền vững, Ban điều hành xác định mục tiêu chính vẫn là bảo đảm tăng trưởng tốt và hiệu quả hoạt động của từng công ty con, đồng thời xem xét nghiên cứu

những cơ hội kinh doanh mới tại những khu vực chưa có quản lý cấp nước hiệu quả, tỷ lệ thất thoát cao, và thiếu hụt nguồn cung cấp nước sạch. Những kế hoạch hành động thiết yếu của Ban điều hành được hoạch định trong năm 2017 như sau:

- Bảo đảm đầy đủ vốn cho các hoạt động của công ty mẹ, công ty con và các kế hoạch chi phí đầu tư dự án thông qua các kế hoạch và quản lý tài chính hiệu quả;
- Nâng cao hoạt động kinh doanh hiện tại thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ và sản lượng nước ghi thu đến khách hàng;
- Cải thiện các kế hoạch trung dài hạn của các công ty con bằng cách thực hiện các chương trình nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng quản lý tốt hơn

Những kế hoạch hành động thiết yếu của ban điều hành là động lực chính để dẫn dắt công ty đạt lợi nhuận tốt và tăng gía trị thương mại phục vụ lợi ích cho tất cả cổ đông.

Kế hoạch và quản lý tài chính

Với nguồn tài lực hạn chế của Công ty, việc lên kế hoạch và quản lý tài chính là điều tối quan trọng đối với Ban điều hành. Những phương án thiết yếu như sau:

- Đảm bảo đủ nguồn vốn cho các khoản đầu tư, mua sắm tài sản và chi tiêu hoạt động. Những chỉ tiêu vốn này sẽ theo đúng một lộ trình sắp đặt sẵn cho các dự án và các khoản đầu tư đã được lên kế hoạch bởi Ban điều hành.
- Đảm bảo các dự án được triển khai đúng thời gian theo như hoạch định, và tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới đem lại hiệu quả đầu tư cao hơn.
- Giám sát các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và tài chính để đánh giá tính khả thi của dự án và hiệu quả đầu tư. Ưu tiên hơn cho những dự án có hiệu quả đầu tư ngang bằng hay vượt qua các chỉ tiêu đã đề ra.
- Phát huy việc theo dõi các chỉ tiêu hoạt động chi tiết rõ ràng để nắm bắt những hoạt động không hiệu quả hay những chi tiêu không cần thiết.

Nâng cao hoạt động kinh doanh hiện tại

Đối với hoạt động của các khoản đầu tư hiện tại, Công ty nhắm tới nâng cao kết quả kinh doanh hiện tại kết hợp với việc sử dụng các nguồn vốn một cách hiệu quả hơn. Năm 2017 sẽ có rất nhiều thách thức lớn cho các công ty trực thuộc, đa phần là do những yếu tố thị trường bên ngoài bằng cách nào đó cũng sẽ gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Trong 2017, Ban điều hành đề xuất các phương án sau:

- Tìm các giải pháp phát triển sức tiêu thụ tại các khu vực dự án.
- Đẩy mạnh quá trình xây dựng, cải tạo các nhà máy nước và mạng lưới phân phối của các công ty con;
- Nắm bắt các tiêu chí phục vụ khách hàng và gia tăng đào tạo chất lượng dịch vụ cho đội ngũ nhân viên trực thuộc;
- Duy trì mối quan hệ với nhiều công ty ngành nước, trong cả tư nhân và nhà nước, để gia tăng lượng nước kinh doanh của các nhà máy xử lí nước hiện tại cũng như tham gia vào quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp cấp nước.
- Giám sát tiến độ thương thảo dự án và hoàn thành xây dựng dựa trên lộ trình đã đề ra để đẩy nhanh việc ghi nhận doanh thu từ các dự án này.
- Phát huy việc theo dõi các chỉ tiêu hoạt động chi tiết để nắm bắt sát sao tình hình hoạt động của Công ty và so sánh với những tiêu chuẩn phục vụ và chỉ tiêu kinh doanh tốt nhất.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017:

Dựa trên những dự đoán có căn cứ với các số liệu chi tiết mà Công ty cho là hợp lý về những hoạt động đầu tư, tình hình kinh tế, môi trường kinh doanh cũng như những định hướng chiến lược Công ty đã vạch ra, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2017 của Công ty như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)	Thực tế 2016	Kế hoạch 2017	% tăng/(giảm)
1. Tổng doanh thu	278,671	700,899	152%
2. Tổng chi phí	235,325	401,912	71%
4. Thu nhập từ công ty liên kết	7,853	6,048	-23%
5. Thu nhập trước thuế	34,241	90,770	165%
9. Lợi nhuận còn lại sau lợi ích cổ đông thiểu số	33,484	59,262	77%

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

Phát triển Công ty thành một tổ chức hoạt động kinh doanh chuyên về lĩnh vực Hạ tầng nước bao gồm ba mảng chính:

- Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước,
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật môi trường nước,
- Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước.

Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước:

Công ty sẽ tập trung nghiên cứu và phát triển các dự án tốt trong lĩnh vực môi trường bao gồm:

- Đầu tư xây dựng, vận hành các dự án trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, rác thải.
- Đầu tư vào các doanh nghiệp hoặc các dự án hoạt động trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải.

Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước:

Công ty sẽ tiếp tục đầu tư để phát triển và mở rộng thị trường, phát triển thêm các giải pháp công nghệ, và cũng cố vững chắc vị thế của mình trên thi trường này. Hoạt động chính bao gồm:

- Cung cấp các giải pháp công nghệ, máy móc, thiết bị cho các nhà máy xử lý nước sạch, xử lý nước thải;
- Thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị chuyên dụng cho ngành kỹ thuật môi trường;
- Tìm kiếm, nghiên cứu, phát triển các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường cho Công ty.

Phát triển dịch vụ vận hành, bảo dưỡng (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước:

Với chuyên môn sâu về ngành và quan hệ đối tác lớn trong lĩnh vực môi trường, Công ty sẽ có điều kiện để phát triển để cung cấp dịch vụ vận hành, bảo dưỡng cho các dự án nhà máy xử lý nước sạch, nước thải do khách hàng đầu tư hoặc do chính Công ty tham gia đầu tư. Đây là một dịch vụ đang được các định chế tài chính quan tâm, thúc đẩy và phát triển tại Việt Nam theo đúng xu hướng phát triển chung trên thế giới.

Định hướng phát triển nguồn nhân lực:

- Tăng cường hoạt động tìm kiếm nguồn nhân sự cho các vị trí quản lý cấp cao để đáp ứng cho nhu cầu phát triển của công ty trong những năm tới.

- Có kế hoạch mang tính chủ động đối với lực lượng lao động trực tiếp nhằm đáp ứng và duy trì hoạt động đầu tư tại mọi thời điểm theo yêu cầu.
- Từng bước xây dựng và hoàn thiện các chế độ tiền lương và đãi ngộ đối với người lao động, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm, các chính sách đảm bảo an toàn lao động nhằm thu hút người tài, người có tâm huyết đối với Công ty.

6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Liên quan đến môi trường

- Tăng cường công tác kiểm tra chặt chẽ hệ thống tuyến ống và các trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục sữa chữa, duy tu các sự cố hư hỏng xảy ra, nhằm hạn chế tình hình thất thoát nước.
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống máy móc để nâng cao tuổi thọ hoạt động của máy.
- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc lịch trực vận hành, trực xử nước đảm bảo chất lượng đúng quy trình kỹ thuật.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp vào sản xuất để vận hành nhà máy tối ưu nhất.

6.2 Liên quan đến xã hội

- Cam kết đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng: thông qua các quy trình kỹ thuật, kiểm tra. Phối hợp với các cơ quan chức năng để cập nhật tiêu chuẩn và quy chuẩn an toàn của nguồn nước.
- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật cho người lao động trong công ty, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc, nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân.
- Giám sát chất lượng và tổng tiến độ của dự án đảm bảo cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn các dự án.
- Tiếp tục phát huy các hoạt động chăm sóc cộng đồng trong các năm trước.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá về hoạt động của Công ty

Trong năm 2016, tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều biến động, tác động đến tình hình kinh tế của khu vực và tình hình kinh tế vĩ mô của cả nước. Kinh tế vĩ mô mặc dù tăng trưởng chậm hơn kỳ vọng nhưng vẫn ổn định, lạm phát được kiểm soát tốt và giữ ở mức thấp, tăng trưởng tín dụng tăng; nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước được bổ sung và triển khai kịp thời nhằm tạo thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển.

Những khó khăn chung của thị trường nêu trên đã tác động không nhỏ đến hoạt động của công ty, nhất là công tác huy động vốn để phát triển hoạt động đầu tư. Trong năm 2016, công ty đã nỗ

lực để phần nào đạt được chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đề ra, đồng thời triển khai được các dự án đầu tư phù hợp với mục tiêu chiến lược của công ty. Bên cạnh việc hợp tác triển khai thành công ở các tỉnh thành trong khu vực như chính thức vận hành Nhà máy nước Tân Hiệp 2, trở thành cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai, công ty còn đạt được thành quả là hoàn tất Giai đoạn 1 và triển khai thành công Giai đoạn 2 của Dự án Đầu tư phát triển và quản lý hệ thống cung cấp và phân phối nước sạch trên địa bàn Huyện Củ Chi trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh. Những thành quả này là tiền đề để công ty tiếp tục xây dựng năng lực và đóng góp cho ngành hạ tầng nước trong những năm tiếp theo.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc

Trong năm 2016 Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc công ty thông qua việc ban hành kịp thời các nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của công ty. Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành các hoạt động của công ty, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình HĐQT xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Năm 2016 có những khó khăn, thách thức riêng trong việc hoàn tất các dự án trong thời gian ngắn, quản lý danh mục dự án và nhân lực tiếp tục tăng trưởng. Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và của Công ty nói riêng, Ban điều hành Công ty đã nỗ lực đáng kể trong việc triển khai thực hiện kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 thông qua và đạt được những cột mốc đáng ghi nhận đối với các dự án. HĐQT hết sức ghi nhận sự nỗ lực của Ban Giám Đốc và tập thế cán bộ công nhân viên Công ty trong năm qua.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Trong năm 2017, Công ty có nhiều kế hoạch cần thực hiện nhằm nâng cao kết quả và đạt được chỉ tiêu đề ra. Đó là động lực thôi thúc Công ty duy trì hiệu quả hoạt động và cải thiện công tác vận hành của các công ty con và dự án.

Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, trong năm 2017, Hội đồng Quản trị sẽ tập trung thực hiện các hoạt động chủ yếu sau đây:

- Đảm bảo việc triển khai đúng thời điểm và thời hạn của các dự án trong kế hoạch, đồng thời tìm hiểu các cơ hội kinh doanh mang lại lợi nhuận cao;
- Liên tục quản lý và phát triển mối quan hệ với các cơ quan, ban ngành thuộc lĩnh vực công và các công ty thuộc lĩnh vực tư nhân, nâng cao sản lượng nước từ các nhà máy nước thuộc Công ty;
- Chỉ đạo công tác huy động vốn đảm bảo việc cung ứng vốn kịp thời cho hoạt động đầu tư đồng thời giám sát chặt chẽ khả năng thanh toán của công ty trong thời gian năm (5) năm;

– Triển khai thực hiện tốt các mục tiêu đã được đại hội đồng cổ đông thông qua, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SX- KD và đầu tư phát triển năm 2017.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) của công ty gồm 7 thành viên. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ/ Tỷ lệ
1	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	-
2	Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch HĐQT	20.000/0,03%
3	Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên HĐQT	0/0%
4	Ông Trương Khắc Hoành	Thành viên HĐQT	23.000/0,04%
5	Ông Virgilio Cervantes Rivera Jr.	Thành viên HĐQT	0/0%
6	Ông Luis Juan B. Oreta	Thành viên HĐQT	0/0%
7	Bà Đặng Thị Thanh Hải (bổ nhiệm ngày 22/04/2016)	Thành viên HĐQT	0/0%

1.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT:

Hiện tại, công ty đã thành lập Hội đồng Đầu tư (HĐĐT) – tiểu ban thuộc HĐQT. Hội đồng đầu tư có trách nhiệm giúp cho Hội đồng quản trị tìm hiểu và thẩm định các dự án đầu tư của công ty một cách hiệu quả nhất. Loại dự án được đưa vào danh mục thẩm định của Hội đồng Đầu tư phải có tổng giá trị đầu tư trên 10.000.000 USD (tương đương >200 tỷ đồng). Trong năm 2016, Hội đồng đầu tư đã thường xuyên tư vấn và hướng dẫn Ban điều hành Công ty trong việc chọn lọc và triển khai các dự án đầu tư.

Trong năm 2016, Công ty thành lập thêm Tiểu ban tài chính – tiểu ban thuộc HĐQT, bao gồm các thành viên từ các cổ đông chính của Công ty. Tiểu ban Tài chính có trách nhiệm xem xét, đánh giá và hỗ trợ Ban điều hành lập kế hoạch tài chính năm, trung và dài hạn.

1.3 Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2016, HĐQT đã họp 27 lần và ban hành các Nghị quyết với những nội dung sau:

STT	Số nghị quyết-quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT-2015	12/03/2015	Thông qua việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2014, ngày chốt danh sách cổ đông để tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2014.
02	02/NQ-HĐQT-2015	25/03/2015	Thông qua chủ trương cho phép Saigon Water được mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa với số lượng tối đa không quá 1.432.900 cổ phần
03	03/NQ-HĐQT-2015	26/03/2015	Thống nhất thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, bổ sung nội dung bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới vào chương trình Đại hội, thông qua nội dung các tài

			liệu trình Đại hội.
04	04/QĐ-HĐQT-2015	09/04/2015	Thông qua ý kiến các thành viên HĐQT về việc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM đăng ký chào mua công khai cổ phiếu SII
05	05/NQ-HĐQT-2015	16/04/2015	Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011 – 2015 của Ông Lê Quốc Bình kể từ ngày 13/04/2015, bổ nhiệm Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2014 tổ chức ngày 21/04/2015 thông qua.
06	06/NQ-HĐQT-2015	14/05/2015	Chấp thuận cho Saigon Water đầu tư vào Cần Thơ WASSCO với tư cách cổ đông chiến lược để mua 12.05% cổ phần Cần Thơ WASSCO. Ủy quyền Ban Điều Hành Saigon Water hoàn tất toàn bộ các thủ tục cần thiết của việc đầu tư vào Cần Thơ WASSCO.
07	07/NQ-HĐQT-2015	18/05/2015	Chấp thuận cho Saigon Water góp vốn thành lập Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi với vốn điều lệ là 630 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Saigon Water là 629,9 tỷ đồng. Cử bà Giao Thị Yến và Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm làm người đại diện sở hữu phần vốn góp của Saigon Water tại Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi.
08	07A/2015/ NQ-HĐQT-2015	06/06/2015	Thông qua việc Saigon Water cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro vay 23,34 tỷ đồng để mua 1.535.550 cổ phần của Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ.
09	08/NQ-HĐQT-2015	08/06/2015	Thông qua việc tái bổ nhiệm Ông Trương Khắc Hoành giữ chức vụ Tổng giám đốc – Đại diện theo pháp luật của CTCP Hạ tầng Nước Sài Gòn, nhiệm kỳ: 03 năm – Thời gian bổ nhiệm kể từ 08/06/2015.
10	09/NQ-HĐQT-2015	10/06/2015	Chấp thuận cho Saigon Water đầu tư vào Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi.
11	10/NQ-HĐQT-2015	17/06/2015	Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 và soát xét báo cáo tài chính bán niên cho công ty.
12	11/NQ-HĐQT-2015	17/06/2015	Thông qua việc cử Bà Giao Thị Yến là người đại diện sở hữu 3.374.000 cổ phần tương đương 12,05%

			tổng số vốn góp của Saigon Water tại Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ, đồng thời tham gia ứng cử vào HĐQT Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ.
13	12/NQ-HĐQT-2015	25/06/2015	Chấp thuận cho Ban điều hành tiếp tục triển khai Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi với các nội dung sau: Cho phép ký kết hợp đồng khảo sát, thiết kế lập dự án với các đơn vị tư vấn, chấp thuận kế hoạch đấu thầu, chấp thuận cho Ban điều hành chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng nguyên tắc, cho phép ban điều hành thành lập Ban quản lý dự án và điều động nhân sự triển khai dự án.
14	12A/NQ-HĐQT-2015	06/07/2015	Đồng ý đề nghị Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội SHB Chi nhánh Tp. HCM phát hành bảo lãnh với số tiền tối đa là 500.000.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn).
15	13/NQ-HĐQT-2015	22/07/2015	Chấp thuận cho Công ty SII được mở một hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDbank).
16	14/NQ-HĐQT-2015	25/08/2015	Thống nhất thành lập Doanh nghiệp dự án để thực hiện dự án "Mở rộng Nhà máy nước Cần Thơ 2, công suất 50.000 m^3/ ngày" + Tên dự kiến của Doanh nghiệp dự án: Công ty Cổ phần nước Sài Gòn – Cần Thơ + Vốn điều lệ đăng ký: 50.000.000.000 đồng + Người đại diện phần vốn góp của Công ty là bà Nguyễn Mai Bảo Trâm và ông Trương Khắc Hoành + Đại diện pháp luật là ông La Quốc Nghĩa.
18	16/NQ-HĐQT-2015	23/09/2015	Chấp thuận cho Saigon Water mua sắm ô tô phục vụ cho hoạt động của Doanh nghiệp dự án
19	17/NQ-HĐQT-2015	29/09/2015	- Phê duyệt dự án "Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn Huyện Củ Chi"; - Ủy quyền Chủ tịch HĐQT ký ban hành Nghị quyết phê duyệt Dự án đầu tư để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo của dự án và ký các Quyết định khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.
20	18/NQ-HĐQT-2015	30/09/2015	Bổ nhiệm ông Ronnie D. Lim làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Saigon Water kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2015
21	19/NQ-HĐQT-2015	30/09/2015	Đồng ý cho Saigon Water thực hiện giao dịch tín dụng (theo một hoặc nhiều hoặc đồng thời các hình thức cấp tín dụng: cho vay, bảo lãnh, phát

			hành thư tín dụng, chiết khấu, bao thanh toán, …) tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11 TPHCM.
22	20/NQ-HĐQT-2015	27/10/2015	- Chấp thuận cho Ban điều hành Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SGW) xúc tiến việc hợp tác đầu tư với 2 đối tác để cùng tham gia đầu tư vốn chủ sở hữu tại Công ty TNHH cấp thoát nước Củ Chi (CCW) - Phê duyệt nội dung, các điều khoản và điều kiện, của các Thỏa thuận, Hợp đồng và các văn bản pháp lý khác có liên quan đến việc hợp tác góp vốn đầu tư nói trên (gọi chung là Tài liệu giao dịch).
23	21/NQ-HĐQT-2015	12/11/2015	Chấp thuận chủ trương lựa chọn công ty kiểm toán thuộc Big 4 để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Saigon Water. Ủy quyền cho Ban điều hành xúc tiến và chọn lựa một đơn vị kiểm toán thuộc Big 4 có năng lực và mức phí kiểm toán phù hợp với tình hình hoạt động của công ty để trình Đại hội đồng cổ đông 2016 thông qua.
24	22/NQ-HĐQT-2015	12/11/2015	- Phê duyệt đầu tư vào Dự án "Đầu tư xây dựng mới Nhà máy nước Sài Gòn – Mê Kong công suất 50.000 m^3/ngày đêm" và chấp thuận Saigon Water góp vốn vào Công ty Cổ phần nước Sài Gòn – Cần Thơ để thực hiện dự án;
25	23/NQ-HĐQT-2015	02/12/2015	Phê duyệt nhà cung cấp dịch vụ cho dự án Hệ thống thanh toán và chăm sóc khách hàng (CCBS) của Dự án "Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn Huyện Củ Chi";
26	24/NQ-HĐQT-2015	16/12/2015	- Phê duyệt các thay đổi trong cơ cấu tổ chức của công ty. - Giao Tổng giám đốc triển khai các thay đổi trong cơ cấu tổ chức của công ty.
27	25/NQ-HĐQT-2015	18/12/2015	- Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn tham gia vào liên danh cùng với Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An tham dự đấu giá số cổ phần của Nhà nước chào bán hiện đang do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn sở hữu tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa. - Chấp thuận ủy quyền cho Ban điều hành thực hiện các thủ tục pháp lý để tham gia đấu giá cũng như lựa chọn và quyết định mức giá đấu.

1.4 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động của HĐQT. Các thành viên đều tham gia xem xét, nghiên cứu và đóng góp ý kiến về các

vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan.

1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có

1.6 Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên HĐQT
4	Ông Trương Khắc Hoành	Thành viên HĐQT
5	Ông Virgilio Cervantes Rivera Jr.	Thành viên HĐQT
6	Ông Luis Juan B. Oreta	Thành viên HĐQT
7	Bà Đặng Thị Thanh Hải	Thành viên HĐQT

2. Ban kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Vũ Thị Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Lê Anh Thi	Thành viên
3	Bà Karoline C. Sangalang	Thành viên

2.2 Hoạt động của BKS

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ sau:

- ❖ Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
- ❖ Phối hợp với Ban Giám Đốc và HĐQT kiểm tra giám sát hoạt động SXKD của công ty.
- ❖ Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính năm, đảm bảo tính trung thực, hợp lý và minh bạch của BCTC. Phân tích đánh giá tình hình tài chính của Công ty.
- ❖ Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, lập kế hoạch cho từng thành viên. Thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã đề ra và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, giám sát.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao và lợi ích

Công ty không trả thù lao cho HĐQT, BKS.

Tiền lương của ban điều hành năm 2016 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thực hiện năm 2016			Ghi Chú
			Tổng số tiền	Lương/thù lao	Thưởng	
1	Trương Khắc Hoành	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.490.239.116	1.415.239.116	75.000.000	
2	Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.022.000.000	942.000.000	80.000.000	
3	Nguyễn Vĩnh Bình	Giám đốc Đầu tư	270.000.000	235.000.000	35.000.000	Bổ nhiệm Giám đốc Đầu tư theo quyết định số 81/2017/SGW/VP/QĐ.HR ngày 14/02/2017; Hiệu lực thi hành ngày 16/02/2017
4	Ronnie D, Lim	Phó Tổng Giám đốc	-	-		
5	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	210.000.000	175.000.000	35.000.000	Bổ nhiệm Kế toán trưởng theo quyết định số 09/2016/QĐ-HĐQT-SGW ngày 13/06/2016; Hiệu lực thi hành ngày 15/06/2016

4 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

5 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm công ty không phát sinh các giao dịch sau với các bên liên quan

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Công ty tuân thủ chấp hành các qui định về quản trị công ty theo qui định của pháp luật hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế (IFC), Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2.1.Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính được đính kèm theo bản công bố thông tin này.

2.2.Địa chỉ công bố và cung cấp báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất:

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Tầng 5, 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM

Website: www.saigonwater.com.vn

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, kính thông báo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, quí cổ đông, quí nhà đầu tư được rõ.

Trân trọng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG KHẮC HOÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Tháng 3 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Trương Khắc Hoành	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Luis Juan B. Oreta	Thành viên
Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Khắc Hoành	Tổng Giám đốc
Bà Giao Thị Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ronnie D.Lim	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0303476454 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trương Khắc Hoành
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited
Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 149.03/2017/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2017, từ trang 3 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

M.S.D.N: 0101177123 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Lương Xuân Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2013-072-1
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2767-2014-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**871.161.236.515**	**892.833.736.805**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**399.296.556.939**	**331.763.493.782**
1. Tiền	111		397.496.556.939	306.502.263.665
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.800.000.000	25.261.230.117
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**281.395.557.501**	**406.616.036.394**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	109.095.937.498	79.858.397.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	133.420.066.654	57.492.922.785
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	4.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	37.147.955.369	271.533.118.169
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.268.402.020)	(2.268.402.020)
III. Hàng tồn kho	**140**		**29.844.522.552**	**29.820.339.959**
1. Hàng tồn kho	141	11	29.844.522.552	29.820.339.959
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**160.624.599.523**	**124.633.866.670**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	614.136.538	616.682.874
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		160.010.462.985	123.965.546.136
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	51.637.660
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**2.566.640.276.468**	**1.995.293.238.093**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**145.925.711.378**	**72.150.367.175**
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	145.925.711.378	72.150.367.175
II. Tài sản cố định	**220**		**315.628.777.843**	**319.399.580.841**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	300.303.282.010	312.201.743.198
- Nguyên giá	*222*		*363.645.964.934*	*355.264.198.184*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(63.342.682.924)*	*(43.062.454.986)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	15.325.495.833	7.197.837.643
- Nguyên giá	*228*		*16.481.055.904*	*7.539.438.939*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(1.155.560.071)*	*(341.601.296)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**1.619.011.691.837**	**1.223.517.648.759**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	1.619.011.691.837	1.223.517.648.759
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**16**	**445.608.305.759**	**353.514.986.836**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16.a	302.454.910.759	210.217.591.836
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.b	143.153.395.000	143.297.395.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**40.465.789.651**	**26.710.654.482**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	19.859.684.964	3.394.279.113
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	1.029.510.085	477.015.000
3. Lợi thế thương mại	269	18	19.576.594.602	22.839.360.369
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**3.437.801.512.983**	**2.888.126.974.898**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2.159.332.407.232**	**1.618.114.363.068**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**410.641.513.589**	**228.353.249.227**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	244.342.990.886	94.074.425.984
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	978.000.000	3.150.866.630
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	8.321.742.851	37.285.745.534
4. Phải trả người lao động	314		88.523.888	863.753.143
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	17.001.725.153	13.402.276.769
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	1.827.286.076	6.006.954.416
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24.a	133.688.355.684	73.415.113.986
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.392.889.051	154.112.765
II. Nợ dài hạn	**330**		**1.748.690.893.643**	**1.389.761.113.841**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25	600.000.000.000	600.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24.b	1.148.690.893.643	789.761.113.841
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.278.469.105.751**	**1.270.012.611.830**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**26**	**1.278.469.105.751**	**1.270.012.611.830**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		583.700.000.000	583.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*583.700.000.000*	*583.700.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		119.923.034.000	119.923.034.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.604.164.796	2.596.429.014
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		84.763.248	84.763.248
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		202.682.617.941	184.457.567.484
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*169.198.608.534*	*65.420.660.456*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*33.484.009.407*	*119.036.907.028*
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		362.474.525.766	379.250.818.084
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**3.437.801.512.983**	**2.888.126.974.898**

Trần Thị Ngọc Loan	**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**	**Trương Khắc Hoành**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**27**	**256.886.522.115**	**591.861.164.254**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**27**	**256.886.522.115**	**591.861.164.254**
4. Giá vốn hàng bán	11	28	208.262.716.755	411.496.066.005
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**48.623.805.360**	**180.365.098.249**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	46.511.249.233	20.942.447.444
7. Chi phí tài chính	22	30	21.062.372.036	14.476.671.330
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*20.977.457.750*	*14.474.102.492*
8. Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết	24		7.853.140.514	7.488.676.866
9. Chi phí bán hàng	25	31	5.362.912.476	588.719.313
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	41.864.937.729	25.846.016.657
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	**30**		**34.697.972.866**	**167.884.815.259**
12. Thu nhập khác	31		5.112.481	468.121.628
13. Chi phí khác	32		721.261.032	141.160.832
14. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(716.148.551)**	**326.960.796**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**33.981.824.315**	**168.211.776.055**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	4.441.079.204	35.268.141.583
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	(552.495.085)	(414.839.991)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**30.093.240.196**	**133.358.474.463**
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		33.484.009.407	119.015.430.115
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3.390.769.211)	14.343.044.348
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	34	545	1.937

Trần Thị Ngọc Loan	**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**	**Trương Khắc Hoành**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2016	2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**33.981.824.315**	**168.211.776.055**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	24.181.979.586	18.644.536.830
Các khoản dự phòng	03	-	1.627.666.735
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(6.633.025)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(30.439.152.403)	(11.439.966.614)
Chi phí lãi vay	06	20.977.457.750	14.474.102.492
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**48.695.476.223**	**191.518.115.498**
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(66.425.879.504)	(72.804.838.772)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(24.182.593)	6.287.426.737
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(107.155.743.641)	651.436.665.820
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.693.723.090)	(1.843.006.492)
Tiền lãi vay đã trả	14	(29.950.128.791)	(13.667.552.889)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(30.807.250.455)	(5.340.657.914)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(188.361.431.851)**	**755.586.151.988**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(186.764.768.562)	(1.441.249.407.505)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	484.000.000
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.000.000.000)	-
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	100.000.000.000	-
4.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(153.426.000.000)	(191.064.380.000)
5.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	44.008.160.000	308.700.000.000
6.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	46.420.533.545	20.912.651.613
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(153.762.075.017)**	**(1.302.217.135.892)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	2016	2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	5.701.000.000	26.523.045.210
2.Tiền thu từ đi vay	33	545.789.944.322	1.297.969.076.999
3.Tiền trả nợ gốc vay	34	(122.940.422.822)	(586.675.783.173)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.900.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**409.650.521.500**	**737.816.339.036**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**67.527.014.632**	**191.185.355.132**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**331.763.493.782**	**140.578.138.650**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.048.525	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**399.296.556.939**	**331.763.493.782**

Thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Dòng tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm (mã số 25) bao gồm tiền đã chi đầu tư vào công ty con là 121.176.000.000 VND, chi đầu tư vào Công ty liên kết là 32.250.000.000 VND. Trong đó, khoản chi vào công ty con là số tiền Công ty đã ứng trước để mua phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai hiện đang được ghi nhận là một khoản trả trước cho người bán *(xem thêm Thuyết minh số 7)*.

Dòng tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm (mã số 26) là khoản tiền Công ty thu được từ nghiệp vụ thanh lý công ty liên kết - Công ty Cổ phần Cấp nước Long An.

Dòng tiền thu được từ đi vay trong năm (mã số 33) bao gồm tiền tiền vay từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng là 165.789.944.322 VND, phát hành trái phiếu là 380.000.000.000 VND.

Dòng tiền trả nợ gốc vay trong năm (mã số 34) là toàn bộ số tiền Công ty đã thanh toán cho các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng.

Trần Thị Ngọc Loan	**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**	**Trương Khắc Hoành**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 08 năm 2004 và qua các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty là 583.700.000.000 VND, được chia thành 58.370.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty là 583.700.000.000 VND, được chia thành 58.370.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII") với tỷ lệ sở hữu là 55,94%.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hoạt động thiết kế chuyên dụng; tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật); thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải; bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường; bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp); dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính); lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; nuôi trồng thủy sản; sản xuất máy móc - thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; chuẩn bị mặt bằng; hoạt động thiết kế chuyên dụng; cho thuê máy móc thiết bị, vật tư ngành điện, nước, nuôi trồng thủy sản; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; lập dự án đầu tư, tư vấn, chuyển giao công nghệ, dịch vụ tư vấn và xử lý môi trường; sản xuất sản phẩm từ plastic; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; lắp đặt hệ thống điện; mua bán thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải - môi trường, mua bán vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường, mua bán hóa chất; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất:

Ngày 21 tháng 4 năm 2016, Công ty đã thực hiện bán toàn bộ 3.143.440 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Long An. Do đó, Công ty Cấp nước Long An không còn là Công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

Ngày 9 tháng 6 năm 2016, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê để thực hiện dự án "Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn thị xã An Khê và các vùng phụ cận Gia Lai, công suất 9.500 m3/ngày đêm", với vốn điều lệ là 40 tỷ đồng, tương ứng với 4.000.000 cổ phần, Công ty đăng ký góp 51% vốn điều lệ.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 10 năm 2016, Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp từ CII. Đến ngày 22 tháng 12 năm 2016, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận cổ đông, theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp trở thành Công ty liên kết của Công ty với tỷ lệ vốn góp là 43% trong tổng vốn điều là 240 tỷ đồng, tương ứng 103,2 tỷ đồng.

Ngày 23 tháng 12 năm 2016, Công ty đã phát hành thành công 380 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ, dưới dạng trái phiếu thường, không có quyền chuyển đổi, có tài sản đảm bảo, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là nhà Đầu tư duy nhất đã đứng ra mua toàn bộ trái phiếu này.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào bảy (07) công ty con và hai (02) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Các công ty được đầu tư trực tiếp bởi Công ty:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty TNHH Cấp thoát Nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước châu Á	Tp. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch v tư vấn quản lý và
6. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Cần Thơ	Tp. Hồ Chí Minh	77,00%	77,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
7. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Các công ty liên doanh, liên kết				
1. Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	Tp. Hồ Chí Minh	28,66%	28,66%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
2. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Công ty liên kết đầu tư gián tiếp thông qua công ty con – Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Cấp Nước Cần Thơ	TP. Cần Thơ	31,21%	34,59%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con đồng nhất.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ và được trình bày là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, giá trị của khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là khoảng 10 năm. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu về cho vay,các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	07 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08
Vườn cây lâu năm	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 03 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Trái phiếu phát hành

Các khoản trái phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính trên cơ sở giá trị thuần bằng giá trị của trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) chiết khấu trái phiếu cộng (+) các khoản phụ trội của trái phiếu.

Các khoản chiết khấu và phụ trội của trái phiếu được theo dõi chi tiết theo từng loại trái phiếu phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hàng kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	266.862.765	1.230.791.901
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	397.229.694.174	305.271.471.764
Các khoản tương đương tiền	1.800.000.000	25.261.230.117
Cộng	**399.296.556.939**	**331.763.493.782**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật & Xây dựng Tuấn Lộc	56.206.615.305	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	12.765.332.472	57.638.930.777
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	12.546.152.630	-
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng	8.605.101.805	7.917.681.675
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	7.924.363.493	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kỹ Thuật Việt	267.803.910	10.099.100.000
Các khoản phải thu khác	10.780.567.883	4.202.685.008
Cộng	**109.095.937.498**	**79.858.397.460**
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty CII E&C	12.546.152.630	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai *(i)*	121.176.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nước và Môi trường Đại Việt	3.998.902.128	-
Công ty CII E&C	-	45.308.764.541
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp Nước	-	3.239.093.457
Các khoản trả trước khác	8.245.164.526	8.945.064.787
Cộng	**133.420.066.654**	**57.492.922.785**
Trong đó, trả trước cho các bên liên quan		
Công ty CII E&C	-	45.308.764.541

(i) Đây là khoản ứng trước để mua 9.180.000 cổ phần tương ứng với 51% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai ("Công ty Gia Lai"). Số dư sẽ được kết chuyển vào giá trị đầu tư vào công ty con khi Công ty Gia Lai chuyển đổi thành công thành công ty cổ phần. (*Xem thêm thuyết minh số 39).*

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2	4.000.000.000	-
Cộng	**4.000.000.000**	-

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư *(i)*	23.160.462.296	259.770.714.696
Phải thu người lao động	9.042.810.817	8.590.565.858
Phải thu các khoản chi hộ	1.992.441.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.924.161.485	2.718.177.854
Các khoản phải thu khác	1.028.079.771	453.659.761
Cộng	**37.147.955.369**	**271.533.118.169**
b. Dài hạn		
Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư *(i)*	141.295.510.800	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	4.630.200.578	72.150.367.175
Cộng	**145.925.711.378**	**72.150.367.175**
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Phải thu Công ty CII	164.455.973.096	331.328.065.807

(i) Số dư phải thu Công ty CII tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoản phải thu từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside. Theo biên bản thỏa thuận ngày 3 tháng 11 năm 2016, tổng giá trị chuyển nhượng là 282.591.021.600 đồng và sẽ được thanh toán 50% trước ngày 31 tháng 3 năm 2017, 50% còn lại sẽ được thanh toán đến ngày 31 tháng 8 năm 2018.

10. NỢ XẤU

	31/12/2016			01/01/2016			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Đối tượng nợ
Phải thu khách hàng	1.880.000.000	-	> 3 năm	1.880.000.000	-	> 3 năm	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu, Đầu tư Tổng hợp & Hợp tác Quốc tế
Phải thu khách hàng	296.899.934	-	> 3 năm	296.899.934	-	> 3 năm	Chi nhánh Xây Dựng Số 1- Tổng Công ty VIWASEEN
Phải thu khác	50.355.851	-	> 3 năm	50.355.851	-	> 3 năm	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu, Đầu tư Tổng hợp & Hợp tác Quốc tế
Phải thu khách hàng	41.146.235	-	> 3 năm	41.146.235	-	> 3 năm	Các đối tượng khác
Cộng	**2.268.402.020**	-		**2.268.402.020**	-		
Giá trị đã lập dự phòng	**2.268.402.020**			**2.268.402.020**			

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.162.829.191	-	6.783.642.698	-
Công cụ, dụng cụ	517.678.454		336.728.800	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.067.099.607	-	22.603.053.161	
Hàng hóa	96.915.300	-	96.915.300	-
Cộng	**29.844.522.552**	**-**	**29.820.339.959**	**-**

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	220.963.062	454.134.937
Chi phí tư vấn	92.997.659	-
Chi phí thuê xe	48.000.000	-
Chi phí mua bảo hiểm	77.946.506	-
Chi phí trả trước khác	174.229.311	162.547.937
Cộng	**614.136.538**	**616.682.874**
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay dự án Củ Chi giai đoạn 1	15.067.196.083	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.816.823.551	1.069.009.700
Chi phí sửa chữa nhà máy, văn phòng	530.516.437	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	445.148.893	2.325.269.413
Cộng	**19.859.684.964**	**3.394.279.113**

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2016	63.785.810.159	99.371.769.856	191.554.279.381	364.838.788	187.500.000	355.264.198.184
Mua trong năm	3.249.914.641	616.373.000	3.876.163.633	244.530.000	364.044.000	8.351.025.274
Điều chỉnh từ công cụ dụng cụ	1.298.059.658	-	-	-	-	1.298.059.658
Thanh lý trong năm	-	-	(1.267.318.182)	-	-	(1.267.318.182)
Tại ngày 31/12/2016	**68.333.784.458**	**99.988.142.856**	**194.163.124.832**	**609.368.788**	**551.544.000**	**363.645.964.934**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2016	6.783.710.759	20.135.718.384	16.049.217.589	89.902.004	3.906.250	43.062.454.986
Khấu hao trong năm	3.163.039.778	8.730.907.945	8.364.225.789	124.462.346	98.926.250	20.481.562.108
Thanh lý trong năm	-	-	(187.750.837)	-	-	(187.750.837)
Giảm khác	-	-	(13.583.333)	-	-	(13.583.333)
Tại ngày 31/12/2016	**9.946.750.537**	**28.866.626.329**	**24.212.109.208**	**214.364.350**	**102.832.500**	**63.342.682.924**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2016	57.002.099.400	79.236.051.472	175.505.061.792	274.936.784	183.593.750	312.201.743.198
Tại ngày 31/12/2016	**58.387.033.921**	**71.121.516.527**	**169.951.015.624**	**395.004.438**	**448.711.500**	**300.303.282.010**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.665.798.564 VND và tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 là 566.052.342 VND.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24, Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và một số phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá của tài sản cầm cố thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 355.409.179.486 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 356.793.949.753 VND).

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	2.769.700.000	4.769.738.939	7.539.438.939
Mua trong năm	-	8.941.616.965	8.941.616.965
Tại ngày 31/12/2016	**2.769.700.000**	**13.711.355.904**	**16.481.055.904**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	-	341.601.296	341.601.296
Khấu hao trong năm	-	813.958.775	813.958.775
Tại ngày 31/12/2016	**-**	**1.155.560.071**	**1.155.560.071**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	2.769.700.000	4.428.137.643	7.197.837.643
Tại ngày 31/12/2016	**2.769.700.000**	**12.555.795.833**	**15.325.495.833**

Quyền sử dụng đất tại thôn 3, xã Biển Hồ, thành phố Pleiku và một số phần mềm vi tính đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Tổng nguyên giá của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7.493.046.819 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.769.700.000 VND).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi *(i)*	1.606.875.947.080	1.222.592.789.263
Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn thị xã An Khê và vùng phụ cận - Gia Lai, công suất 9.500 m3/ ngày đêm *(ii)*	8.307.349.324	-
Đầu tư xây dựng mới nhà máy nước Sài Gòn - Mê Kông công suất 50.000 m3/ngày đêm *(iii)*	3.235.373.264	331.837.327
Chi phí xây dựng cơ bản hệ thống đường ống xung quanh nhà máy nước Pleiku	593.022.169	593.022.169
Cộng	**1.619.011.691.837**	**1.223.517.648.759**

(i) Dự án được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 600 tỷ đồng, được thực hiện theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 triển khai trong năm 2015 với tổng mức vốn dự kiến là 1.657.957.072.479 đồng, giai đoạn 2 thực hiện từ năm 2016 đến năm 2019 với tổng mức vốn dự kiến là 1.004.305.295.507 đồng. Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án này trong tương lai đã được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay và nợ dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 24.

(ii)) Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước được thực hiện trên địa bàn thị xã An Khê và vùng phụ cận Gia Lai. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 160,93 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là 40 tỷ đồng. Thời gian đầu tư dự án là từ quý 3 năm 2016 đến hết quý 3 năm 2017 và dự kiến đưa vào vận hành, khai thác từ quý 4 năm 2017. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

(iii) Dự án được thực hiện tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 298,6 tỷ VND. Thời gian đầu tư dự án là từ quý 2 năm 2016 đến quý 2 năm 2017 và dự kiến đưa vào vận hành, khai thác từ quý 3 năm 2017. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	119.659.788.611	-	*(i)*	-	-	
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	21.435.500.000	814.977.478	*(i)*	21.435.500.000	666.935.665	*(i)*
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	147.202.880.000	13.341.764.670	*(i)*	147.202.880.000	5.636.665.969	*(i)*
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	-	-	*(i)*	31.748.744.000	3.526.866.202	*(i)*
Cộng	**288.298.168.611**	**14.156.742.148**		**200.387.124.000**	**9.830.467.836**	
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ		**302.454.910.759**			**210.217.591.836**	

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	*(i)*	143.153.395.000	-	*(i)*
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	*(i)*	144.000.000	-	*(i)*
Cộng	**143.153.395.000**	**-**		**143.297.395.000**	**-**	

(i) Giá trị hợp lý không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND
Tại ngày 01/01/2015	**62.175.009**
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(414.839.991)
Tại ngày 01/01/2016	**477.015.000**
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(552.495.085)
Tại ngày 31/12/2016	**1.029.510.085**
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	**(552.495.085)**

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Giá trị ghi sổ VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2016 và 31/12/2016	32.706.500.204
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2016	9.867.139.835
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	3.262.765.767
Tại ngày 31/12/2016	**13.129.905.602**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2016	**22.839.360.369**
Tại ngày 31/12/2016	**19.576.594.602**

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	100.762.504.540	100.762.504.540	40.546.172.795	40.546.172.795
Công ty CII E&C	75.156.687.257	75.156.687.257	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kỹ Thuật Việt	19.286.959.362	19.286.959.362	6.666.637.266	6.666.637.266
Công ty TNHH Hóa nhựa Đệ Nhất	15.107.778.033	15.107.778.033	6.033.761.706	6.033.761.706
Công ty Cổ phần Nhựa Minh Hùng	9.660.400.036	9.660.400.036	1.525.146.352	1.525.146.352
Công ty Cổ phần Đầu tư Lotas	7.256.152.320	7.256.152.320		
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	3.246.767.762	3.246.767.762	-	-
XyLem Water Solutions (HongKong) Limited	-	-	25.069.725.509	25.069.725.509
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong Phía Nam	-	-	5.604.826.513	5.604.826.513
Manila Water Company Inc.	-	-	3.595.000.000	3.595.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Môi trường và Nước Việt	-	-	3.228.778.522	3.228.778.522
Các nhà cung cấp khác	13.865.741.576	13.865.741.576	1.804.377.321	1.804.377.321
Cộng	**244.342.990.886**	**244.342.990.886**	**94.074.425.984**	**94.074.425.984**
Trong đó, phải trả cho người bán là các bên liên quan				
Công ty CII E&C	75.156.687.257	75.156.687.257	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	587.860.000	587.860.000	-	-

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bà Phan Thị Lụa	978.000.000	-
Công ty Cổ phần BOO nước Thủ Đức	-	1.958.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	-	266.997.830
Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận	-	925.868.800
Cộng	**978.000.000**	**3.150.866.630**

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.077.858.008	7.607.751.172	10.409.705.039	3.275.904.141
Thuế nhập khẩu	-	108.962.610	108.962.610	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.122.072.986	4.441.079.204	30.807.250.455	3.755.901.735
Thuế thu nhập cá nhân	204.875.298	2.635.658.868	2.535.804.516	304.729.650
Lệ phí và các khoản thuế khác phải nộp	880.939.242	11.400.647.747	11.296.379.664	985.207.325
Cộng	**37.285.745.534**	**26.194.099.601**	**55.158.102.284**	**8.321.742.851**

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trích trước chi phí lãi vay	12.116.898.254	9.044.982.906
Trích trước chi phí dự án	3.851.539.793	-
Chi phí tạm tính giá vốn công trình	655.093.937	3.317.002.700
Các khoản trích trước khác	378.193.169	1.040.291.163
Cộng	**17.001.725.153**	**13.402.276.769**

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Cổ tức phải trả	389.000.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	833.789.000	850.289.000
Bảo hiểm xã hội	364.395.725	-
Mượn tiền Ông Lê An Bình	-	5.114.000.000
Các khoản khác	240.101.351	42.665.416
Cộng	**1.827.286.076**	**6.006.954.416**

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng HD Bank *(i)*	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng VP Bank -CN Tp. Hồ Chí Minh *(ii)*	31.578.113.589	31.578.113.589	61.284.030.690	29.705.917.101	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành *(iii)*	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng Vietinbank - CN. Lâm Đồng	-	-	2.434.791.735	3.399.901.721	965.109.986	965.109.986
Ông Lê An Bình	-	-	16.500.000.000	16.500.000.000	-	-
Bà Nguyễn Thị Thành Vinh	-	-	200.000.000	200.000.000	-	-
Cộng	**100.578.113.589**	**100.578.113.589**	**149.418.822.425**	**109.805.818.822**	**60.965.109.986**	**60.965.109.986**
Cộng: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả *(xem Thuyết minh số 24.b)*	33.110.242.095	33.110.242.095			12.450.004.000	12.450.004.000
Tổng cộng	**133.688.355.684**	**133.688.355.684**			**73.415.113.986**	**73.415.113.986**

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(i) Khoản vay từ HD Bank được thực hiện theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2774/HĐTDNH-DN/068 ký ngày 14 tháng 7 năm 2016. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn hợp tác đầu tư với Công ty con – Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/16-HDĐT-SGW ngày 16 tháng 5 năm 2016. Công ty đã sử dụng 409.114 cổ phần phát hành bởi Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức và 6.310.400 cổ phần phát hành bởi Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Long An do Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro nắm giữ để thế chấp khoản vay này.

(ii) Khoản vay từ VP Bank-CN Tp. Hồ Chí Minh được thực hiện theo hợp đồng ký ngày 23 tháng 11 năm 2016. Hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng, trong đó, hạn mức cho khoản vay và phát hành LC là 40 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh là 20 tỷ đồng. Thời hạn của các khoản vay là không quá 3 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ, lãi quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn. Khoản vay được dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, bảo lãnh thanh toán LC có liên quan trực tiếp đến dự án "Xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi". Công ty dùng Quyền đòi nợ hình thành từ các hợp đồng mua bán với Công ty TNHH MTV Kỹ thuật & Xây dựng Tuấn Lộc ký ngày 29 tháng 8 năm 2016 để thế chấp cho khoản vay này.

(iii) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành được thực hiện theo hợp đồng số 54/HĐKD-2016 ngày 18 tháng 11 năm 2016, thời hạn khoản vay là 1 tháng. Lãi suất của khoản vay là 11%. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay Ngân hàng						
Ngân hàng Vietinbank - CN 11 *(iv)*	640.930.000.000	640.930.000.000	-	-	640.930.000.000	640.930.000.000
Ngân hàng VP Bank -CN Tp. Hồ Chí Minh *(v)*	102.184.307.738	102.184.307.738	16.371.121.897	2.500.000.000	88.313.185.841	88.313.185.841
Ngân hàng Vietinbank - CN. Lâm Đồng	61.400.000.000	61.400.000.000	-	9.600.000.000	71.000.000.000	71.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Á Châu	933.328.000	933.328.000	-	350.004.000	1.283.332.000	1.283.332.000
Ngân hàng Vietinbank - CN Tây Đô, Cần Thơ	-	-	-	684.600.000	684.600.000	684.600.000
Trái phiếu phát hành						
Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng VIB - CN Tp. Hồ Chí Minh *(vi)*	380.000.000.000	380.000.000.000	380.000.000.000	-	-	-
Chi phí phát hành	(3.646.500.000)	(3.646.500.000)	-	3.646.500.000	-	-
Cộng	**1.181.801.135.738**	**1.181.801.135.738**	**396.371.121.897**	**16.781.104.000**	**802.211.117.841**	**802.211.117.841**
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(33.110.242.095)	(33.110.242.095)			(12.450.004.000)	(12.450.004.000)
Tổng cộng	**1.148.690.893.643**	**1.148.690.893.643**			**789.761.113.841**	**789.761.113.841**

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(iv) Ngày 2 tháng 10 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 11 với hạn mức vay là 640,93 tỷ đồng có thời hạn trong vòng 126 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng. Lãi suất vay là 10,5%/năm tại ngày ký hợp đồng, sau đó sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng/lần và bằng lãi suất huy động 12 tháng của Ngân hàng cộng biên độ 2,3%/năm. Khoản vay được dùng để chi trả các chi phí cho nhà cung cấp liên quan đến dự án Xã hội hóa phát triển hệ thống cấp nước tại huyện Củ Chi. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án, bao gồm các hạng mục công trình, các khoản thanh toán từ các giao dịch cho thuê, cung cấp sản phẩm của dự án, chuyển nhượng, tiền bảo hiểm, quyền kinh doanh và khai thác tài sản của dự án để thế chấp cho khoản vay này.

(v) Ngày 3 tháng 6 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với VPBank-CN. Tp. Hồ Chí Minh, hạn mức vay là 109 tỷ đồng, giải ngân theo nhu cầu tại từng thời điểm. Khoản vay này có thời hạn trong vòng 96 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng và sẽ được trả gốc hàng quý, bắt đầu từ ngày 5 tháng 6 năm 2016 đến ngày 5 tháng 6 năm 2022. Khoản vay chịu lãi suất 9,43%/năm cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2014 đến ngày 4 tháng 12 năm 2014, sau đó, mức lãi suất này sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng 1 lần bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng VND trả lãi cuối kỳ trung bình của 4 ngân hàng (VCB, ACB, Saccombank và VPBank) tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 03%/năm. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại thôn 3, xã Biển Hồ, thành phố Pleiku; toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án nhà máy cấp nước công suất 30.000 m3/ngày tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ việc bán nước sạch cho Công ty TNHH MTV Cấp Nước Gia Lai để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trong vòng một năm	33.110.242.095	12.450.004.000
Trong năm thứ hai	83.890.956.381	12.450.004.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	291.756.177.143	345.837.104.328
Sau năm năm	396.690.260.119	431.474.005.513
Cộng	**805.447.635.738**	**802.211.117.841**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(33.110.242.095)	(12.450.004.000)
Số phải trả sau 12 tháng	**772.337.393.643**	**789.761.113.841**

Thông tin bổ sung cho trái phiếu phát hành

(vi) Trái phiếu 380 tỷ phát hành cho Ngân hàng VIB – chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

- Loại trái phiếu: trái phiếu thường không chuyển đổi;
- Mệnh giá: 380.000.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 23 tháng 12 năm 2016;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 3 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến Trái phiếu;
- Lãi suất: Lãi suất trong 4 kỳ đầu tiên là 9%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VIB + biên độ 2,8%/năm;
- Mục đích: 160 tỷ đồng trái phiếu được sử dụng để đầu tư giai đoạn 2 dự án Củ Chi và 220 tỷ đồng sẽ được sử dụng để góp vốn thành lập công ty TNHH.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho trái phiếu phát hành

Công ty đã sử dụng cổ phần của một số công ty con để cầm cố, thế chấp cho trái phiếu phát hành, cụ thể:

	Số lượng cổ phần	Tổng mệnh giá VND
Công ty CP Cấp nước Sài Gòn Đankia	9.000.000	90.000.000.000
Công ty CP Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	4.950.000	49.500.000.000
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000
Công ty CP Giải pháp Mạng nước Châu Á	1.020.000	10.200.000.000

Ngoài ra Công ty đã thế chấp phần vốn góp với giá trị là 321,174 tỷ đồng trong Công ty TNHH Cấp thoát Nước Củ Chi (đến thời điểm phát hành báo cáo này đã là Công ty CP Cấp thoát Nước Củ Chi) để thế chấp cho trái phiếu phát hành trên.

Trái phiếu trên sẽ được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trong vòng một năm	-	-
Trong năm thứ hai	125.000.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	255.000.000.000	-
Sau năm năm	-	-
Cộng	**380.000.000.000**	**-**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(3.646.500.000)	-
Số phải trả sau 12 tháng	**376.353.500.000**	**-**

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

25. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày khóa sổ là khoản hỗ trợ không hoàn lại của Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo công văn số 826/TB - VP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản hỗ trợ này sẽ được sử dụng để bù đắp chênh lệch giữa giá phí nước thực tế mà Công ty cung cấp và giá phí nước được Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố duyệt khi bán cho các hộ dân trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020.

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	583.700.000.000	119.923.034.000	1.921.868.014	84.763.248	66.769.782.457	29.708.384.147	802.107.831.866
NCI đầu tư vào công ty con						335.220.866.501	335.220.866.501
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	119.015.430.115	14.343.044.348	133.358.474.463
Tăng khác	-	-	-	-	21.476.912	-	21.476.912
Giảm khác	-	-	-	-	-	(21.476.912)	(21.476.912)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	674.561.000	-	(674.561.000)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(674.561.000)	-	(674.561.000)
Tại ngày 01/01/2016	**583.700.000.000**	**119.923.034.000**	**2.596.429.014**	**84.763.248**	**184.457.567.484**	**379.250.818.084**	**1.270.012.611.830**
NCI đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	5.701.000.000	5.701.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	33.484.009.407	(3.390.769.211)	30.093.240.196
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.007.735.782	-	(7.194.258.890)	186.523.108	-
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(8.064.700.060)	(373.046.215)	(8.437.746.275)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.900.000.000)	(18.900.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	**583.700.000.000**	**119.923.034.000**	**9.604.164.796**	**84.763.248**	**202.682.617.941**	**362.474.525.766**	**1.278.469.105.751**

Ngày 22 tháng 4 năm 2016, Đại hội Đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015. Theo đó Công ty chỉ trích lập quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và không chia cổ tức năm 2015. Cổ tức được chia cho Lợi ích cổ đông không kiểm soát 18,9 tỷ là được chia từ Công ty Con – Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro.

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Tỷ lệ	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ	Vốn đã góp VND
Vốn góp của CII	55,94%	326.521.780.000	55,94%	326.521.780.000
Vốn góp của các cổ đông khác	44,06%	257.178.220.000	44,06%	257.178.220.000
Cộng	**100%**	**583.700.000.000**	**100%**	**583.700.000.000**

Cổ phần

	31/12/2016 Cổ phần	01/01/2016 Cổ phần
Số lượng Cổ phần đăng ký phát hành	58.370.000	58.370.000
Số lượng Cổ phần đã bán ra công chúng	58.370.000	58.370.000
+ Cổ phần phổ thông	58.370.000	58.370.000
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng Cổ phần đang lưu hành	58.370.000	58.370.000
+ Cổ phần phổ thông	58.370.000	58.370.000
+ Cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá Cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu dịch vụ cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị ngành nước, xử lý môi trường	188.803.316.444	535.595.224.031
Doanh thu cung cấp nước sạch	67.111.168.424	51.323.598.804
Doanh thu tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và các dịch vụ liên quan	972.037.247	4.942.341.419
Cộng	**256.886.522.115**	**591.861.164.254**

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị xử lý môi trường	150.514.137.468	367.638.643.232
Giá vốn cung cấp nước sạch	57.402.303.607	39.612.617.342
Giá vốn tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và các dịch vụ liên quan	346.275.680	4.244.805.431
Cộng	**208.262.716.755**	**411.496.066.005**

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.509.570.547	3.511.289.748
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.178.413.200	17.431.157.696
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	8.732.549.798	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	84.082.646	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.633.042	-
Cộng	**46.511.249.233**	**20.942.447.444**

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	20.977.457.750	14.474.102.492
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.496.093	-
Chi phí tài chính khác	78.418.193	2.568.838
Cộng	**21.062.372.036**	**14.476.671.330**

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	3.505.429.564	558.007.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	230.255.754	-
Chi phí bảo hành	918.797.660	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	422.414.184	-
Chi phí khác bằng tiền	286.015.314	30.711.818
Cộng	**5.362.912.476**	**588.719.313**

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	19.185.886.925	11.131.579.216
Lợi thế thương mại phân bổ trong năm	3.262.765.767	3.262.765.767
Chi phí dự phòng	-	1.969.069.980
Hoàn nhập dự phòng phải thu trong năm	-	(228.060.000)
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	19.416.285.037	9.710.661.694
Cộng	**41.864.937.729**	**25.846.016.657**

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**33.981.824.315**	**168.211.776.055**
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	*(40.031.553.714)*	*(24.919.834.562)*
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	*(6.633.025)*	-
Lỗ tính thuế của Công ty mẹ và các Công ty con bị bù trừ khi hợp nhất	*23.919.090.748*	*15.550.188.112*
Các khoản thu nhập chịu thuế bị loại trừ khi hợp nhất	*6.289.341.628*	*1.885.636.324*
Phân bổ lợi thế thương mại	*3.262.765.767*	*3.262.765.767*
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	*868.074.797*	*450.213.213*
Thu nhập chịu thuế	**28.282.910.516**	**164.440.744.909**
Lỗ tính thuế mang sang	(6.077.514.498)	(4.793.783.944)
Thu nhập tính thuế	**22.205.396.018**	**159.646.960.965**
Thuế suất thuế thông thường *(i)*	20%	22%
Thuế suất ưu đãi từ dự án đầu tư *(ii)*	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.441.079.204	35.122.031.594
Thuế TNDN bị truy thu	-	146.109.989
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**4.441.079.204**	**35.268.141.583**

Hoạt động kinh doanh nước sạch của Công ty có tính chất xã hội hóa nên được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định hiện hành: hưởng thuế suất thuế ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm và được miễn thuế 4 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế, đồng thời giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chịu thuế suất 20%.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	33.484.009.407	119.015.430.115
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.674.200.470)	(5.950.771.506)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	**31.809.808.937**	**113.064.658.609**
Cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	58.370.000	58.370.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**545**	**1.937**

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ được tính bằng lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với tỷ lệ là 5% .

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động kinh doanh diễn ra tại các tỉnh thành khác trong cả nước là không trọng yếu.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động chủ yếu của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

- Bộ phận tư vấn, thi công: Tư vấn, thi công, cung cấp, lắp đặt các thiết bị xử lý môi trường, ngành nước.

- Bộ phận kinh doanh nước sạch: Cung cấp nước sạch.

Kết quả kinh doanh của từng bộ phận như sau:

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Năm 2016

Chỉ tiêu	Tư vấn, thi công VND	Kinh doanh nước sạch VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	189.775.353.691	67.111.168.424	-	256.886.522.115
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	13.523.552.483	-	(13.523.552.483)	-
Tổng doanh thu	**203.298.906.174**	**67.111.168.424**	**(13.523.552.483)**	**256.886.522.115**
Giá vốn				
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	150.860.413.148	57.402.303.607	-	208.262.716.755
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	9.937.992.690	-	(9.937.992.690)	-
Tổng chi phí	**150.860.413.148**	**57.402.303.607**	-	**208.262.716.755**
Kết quả kinh doanh bộ phận	**52.438.493.026**	**9.708.864.817**	**(13.523.552.483)**	**48.623.805.360**
Doanh thu hoạt động tài chính				46.511.249.233
Chi phí tài chính				21.062.372.036
Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết				7.853.140.514
Chi phí bán hàng				5.362.912.476
Chi phí quản lý doanh nghiệp				41.864.937.729
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh				**34.697.972.866**
Thu nhập khác				5.112.481
Chi phí khác				721.261.032
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				4.441.079.204
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(552.495.085)
Tổng lợi nhuận sau thuế				**30.093.240.196**

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Năm 2015

Chỉ tiêu	Tư vấn, thi công VND	Kinh doanh nước sạch VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	540.537.565.450	51.323.598.804	-	591.861.164.254
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	1.524.976.573	-	(1.524.976.573)	-
Tổng doanh thu	**542.062.542.023**	**51.323.598.804**	**(1.524.976.573)**	**591.861.164.254**
Giá vốn				
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	371.883.448.663	39.612.617.342	-	411.496.066.005
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	1.524.976.573	-	(1.524.976.573)	-
Tổng chi phí	**371.883.448.663**	**39.612.617.342**	**-**	**411.496.066.005**
Kết quả kinh doanh bộ phận	**170.179.093.360**	**11.710.981.462**	**(1.524.976.573)**	**180.365.098.249**
Doanh thu hoạt động tài chính				20.942.447.444
Chi phí tài chính				14.476.671.330
Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết				7.488.676.866
Chi phí bán hàng				588.719.313
Chi phí quản lý doanh nghiệp				25.846.016.657
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh				**167.884.815.259**
Thu nhập khác				468.121.628
Chi phí khác				141.160.832
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				35.268.141.583
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(414.839.991)
Tổng lợi nhuận sau thuế				**133.358.474.463**

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay và nợ	1.286.025.749.327	863.176.227.827
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(399.296.556.939)	(331.763.493.782)
Nợ thuần	**886.729.192.388**	**531.412.734.045**
Vốn chủ sở hữu	1.278.469.105.751	1.270.012.611.830
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**69%**	**42%**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty vì Công ty đang đầu tư các dự án cấp nước, một lĩnh vực có tính chất xã hội hóa , dự án dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong năm tới và sẽ mang lại lợi nhuận cho Công ty. Mặt khác, trong tổng giá trị nợ và vay được sử dụng để xác định tỷ lệ nợ thuần, chủ yếu là các khoản nợ dài hạn trong đó bao gồm các khoản vay dài hạn tài trợ cho dự án xây dựng cơ bản. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng dự án này sẽ đem lại nguồn tiền trong tương lai nên Công ty sẽ đảm bảo được khả năng thanh toán cho các khoản nợ khi đến hạn.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH		
Tiền và tương đương tiền	399.296.556.939	331.763.493.782
Các khoản cho vay	4.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	106.877.891.329	77.640.351.291
Phải thu khác	171.988.059.079	335.042.563.635
Các khoản đầu tư tài chính	445.608.305.759	353.514.986.836
Cộng	**1.127.770.813.106**	**1.097.961.395.544**
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH		
Phải trả người bán	244.342.990.886	94.074.425.984
Phải trả khác	629.101.351	6.006.954.416
Chi phí phải trả	17.001.725.153	13.402.276.769
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.286.025.749.327	863.176.227.827
Cộng	**1.547.999.566.717**	**976.659.884.996**

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các công ty con, các công ty liên kết và các đối tác đầu tư lâu dài của Công ty.

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
TẠI NGÀY 31/12/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	399.296.556.939	-	-	399.296.556.939
Các khoản cho vay	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Phải thu khách hàng	106.877.891.329	-	-	106.877.891.329
Phải thu khác	26.062.347.701	145.925.711.378	-	171.988.059.079
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	445.608.305.759	445.608.305.759
Cộng	**536.236.795.969**	**145.925.711.378**	**445.608.305.759**	**1.127.770.813.106**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	244.342.990.886	-	-	244.342.990.886
Phải trả khác	629.101.351		-	629.101.351
Chi phí phải trả	17.001.725.153	-	-	17.001.725.153
Các khoản vay	133.688.355.684	375.647.133.524	396.690.260.119	906.025.749.327
Trái phiếu thông thường	-	380.000.000.000		380.000.000.000
Cộng	**395.662.173.074**	**755.647.133.524**	**396.690.260.119**	**1.547.999.566.717**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**140.574.622.895**	**(609.721.422.146)**	**48.918.045.640**	**(420.228.753.611)**
TẠI NGÀY 01/01/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	331.763.493.782	-	-	331.763.493.782
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	77.640.351.291	-	-	77.640.351.291
Phải thu khác	262.892.196.460	72.150.367.175	-	335.042.563.635
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-		353.514.986.836	353.514.986.836
Cộng	**672.296.041.533**	**72.150.367.175**	**353.514.986.836**	**1.097.961.395.544**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	94.074.425.984	-	-	94.074.425.984
Phải trả khác	6.006.954.416	-	-	6.006.954.416
Chi phí phải trả	13.402.276.769	-	-	13.402.276.769
Các khoản vay	73.415.113.986	358.287.108.328	431.474.005.513	863.176.227.827
Cộng	**186.898.771.155**	**358.287.108.328**	**431.474.005.513**	**976.659.884.996**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**485.397.270.378**	**(286.136.741.153)**	**(77.959.018.677)**	**121.301.510.548**

Chênh lệch thanh khoản thuần trong khoảng thời gian từ 1 đến 5 năm âm chủ yếu là do các khoản trái phiếu thông thường và các khoản vay dài hạn đầu tư cho các dự án của Công ty. Công ty tin tưởng rằng các dự án này sẽ mang lại nguồn tiền trong tương lai cho Công ty và Công ty có thể đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các bên liên quan là các công ty con và công ty liên kết, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty còn có bên liên quan khác là các công ty cùng tập đoàn. Thông tin về các bên liên quan như sau:

Tên công ty	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Đầu tư nước Tân Hiệp	Công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu trong năm với các bên liên quan này bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Giao dịch với CII		
Lãi chuyển nhượng dự án Diamond Riverside	20.165.258.400	-
Vay trong năm	-	260.000.000.000
Trả nợ vay trong năm	-	260.000.000.000
Lãi vay phát sinh trong năm	-	3.062.222.223
Nhận thanh toán tiền chuyển nhượng dự án Diamond Riverside	100.000.000.000	-
Bù trừ công nợ trong năm	15.480.000.000	-
Thanh toán tiền mua Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	32.250.000.000	-
Nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	119.515.788.611	-
Giao dịch với CII E&C		
Mua hàng và chi phí thi công công trình phải trả	129.227.808.582	292.537.663.814
Thanh toán công nợ trong năm	33.263.698.670	367.100.194.736
Bù trừ công nợ trong năm	1.377.965.550	-
Bán hàng trong năm	29.041.217.247	-
Thu tiền bán hàng trong năm	19.441.636.342	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Mua hàng và dịch vụ phải trả	2.176.954.546	-
Thanh toán công nợ trong năm	1.704.335.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia		
Thanh toán tiền đặt cọc thuê văn phòng	218.400.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp		
Bán hàng trong năm	149.600.000	-

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

	2016 VND	2015 VND
Lương và thưởng	2.309.893.848	2.291.144.077

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty thực hiện lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho dòng tiền từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp gián tiếp. Các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng được chuyển đổi từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp để đảm bảo tính so sánh với số liệu báo cáo kỳ này.

39. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngày 9 tháng 1 năm 2017, Công ty nhận số cổ đông theo đó Công ty đã hoàn tất việc đầu tư vào Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 7 năm 2016 và trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai với tỷ lệ nắm giữ là 51% vốn điều lệ.

Trần Thị Ngọc Loan	**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**	**Trương Khắc Hoành**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2017